

CHƯƠNG 8

TỰ DO HÓA ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

MỤC A

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 8.1

Mục tiêu và phạm vi

1. Các Bên khẳng định cam kết của mình theo Hiệp định WTO và các cam kết để tạo ra một môi trường tốt hơn cho sự phát triển của thương mại và đầu tư giữa các Bên, từ đó thiết lập sự chuẩn bị cần thiết cho tiến trình tự do hóa đầu tư, thương mại dịch vụ và hợp tác về thương mại điện tử.
2. Phù hợp với các quy định của Chương này, mỗi Bên có quyền áp dụng, duy trì và thực thi các biện pháp cần thiết để theo đuổi các mục tiêu chính sách hợp pháp như bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng, chính sách xã hội, sự Liêm chính và ổn định của hệ thống tài chính, tăng cường an ninh và an toàn, và thúc đẩy và bảo tồn đa dạng văn hóa.
3. Chương này không áp dụng đối với các biện pháp ảnh hưởng đến thể nhân tìm cách tiếp cận thị trường việc làm của một Bên, cũng như không áp dụng đối với các biện pháp liên quan đến quốc tịch, cư trú hoặc làm việc dài hạn.
4. Không quy định nào trong Chương này ngăn cản một Bên áp dụng các biện pháp quản lý việc nhập cảnh, hoặc tạm trú của thể nhân trong lãnh thổ của mình, bao gồm cả các biện pháp cần thiết để bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ và đảm bảo sự di chuyển có trật tự của thể nhân, qua biên giới, miễn là các biện pháp này không được áp dụng nhằm vô hiệu hóa hoặc làm suy giảm lợi ích⁵ của bất kỳ Bên nào theo các cam kết cụ thể trong Chương này và các Phụ lục kèm theo.

⁵ Trên thực tế, việc yêu cầu về thị thực đối với thể nhân của một số quốc gia nhất định và miễn thị thực cho thể nhân của các quốc gia khác không bị coi là vô hiệu hóa hoặc làm suy yếu quyền lợi theo cam kết cụ thể.

5. Không quy định nào trong Chương này được hiểu là hạn chế các nghĩa vụ của các Bên theo Chương 9 (Mua sắm của Chính phủ) hoặc áp đặt thêm bất kỳ nghĩa vụ nào liên quan tới mua sắm của chính phủ.
6. Chương này không áp dụng đối với trợ cấp của các Bên⁶, ngoại trừ đối với Điều 8.8 (Yêu cầu thực hiện).
7. Quyết định của một Bên không cấp, gia hạn hoặc duy trì khoản trợ cấp hoặc viện trợ sẽ không bị coi là vi phạm Điều 8.8 (Yêu cầu thực hiện), trong những trường hợp sau:
 - (a) trong trường hợp không có cam kết cụ thể của một Bên đối với nhà đầu tư theo pháp luật hoặc hợp đồng để cấp, gia hạn, hoặc duy trì khoản trợ cấp hoặc viện trợ đó; hoặc
 - (b) phù hợp với bất kỳ điều khoản hoặc điều kiện kèm theo việc cấp, gia hạn hoặc duy trì các khoản trợ cấp hoặc viện trợ.
8. Chương này không áp dụng cho các hệ thống an sinh xã hội tương ứng của các Bên hoặc các hoạt động trên lãnh thổ của mỗi Bên liên quan đến việc thực hiện thẩm quyền chính thức, cho dù là không thường xuyên,.

ĐIỀU 8.2

Định nghĩa

1. Vì mục đích của Chương này:
 - (a) “dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy bay trong khi máy bay đó không cung cấp dịch vụ” nghĩa là các hoạt động sửa chữa và bảo dưỡng thực hiện trên máy bay hoặc một phần của nó trong khi máy bay đó không cung cấp dịch vụ và không bao gồm bảo dưỡng ngoại trường;
 - (b) “dịch vụ hệ thống đặt, giữ chỗ bằng máy tính” nghĩa là dịch vụ được cung cấp bởi các hệ thống máy tính có chứa thông tin về lịch bay, ghế trống, giá và các quy định về giá của các hãng hàng không, và thông qua hệ thống này, mọi người có thể đặt giữ chỗ hoặc xuất vé;
 - (c) “cung cấp dịch vụ qua biên giới” nghĩa là việc cung cấp một dịch vụ:
 - (i) từ lãnh thổ của một Bên vào lãnh thổ của Bên khác; hoặc
 - (ii) trên lãnh thổ của một Bên cho người tiêu dùng dịch vụ của Bên khác;
 - (d) “hoạt động kinh tế” bao gồm các hoạt động công nghiệp, thương mại và chuyên môn và hoạt động của các thợ thủ công, nhưng không bao gồm các hoạt động nhằm thực thi quyền lực nhà nước;

⁶ Đối với Liên minh châu Âu, “trợ cấp” bao gồm các “viện trợ nhà nước” được quy định trong luật Liên minh châu Âu. Đối với Việt Nam, “trợ cấp” bao gồm ưu đãi đầu tư, và hỗ trợ đầu tư chẳng hạn như hỗ trợ địa điểm sản xuất, đào tạo nguồn nhân lực và các hoạt động tăng cường năng lực cạnh tranh như hỗ trợ công nghệ, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ pháp lý, thông tin thị trường và xúc tiến thị trường.

- (e) "doanh nghiệp" là một pháp nhân, chi nhánh⁷ hoặc văn phòng đại diện được thành lập;
- (f) "thành lập" là việc thiết lập, bao gồm cả việc mua lại, của một pháp nhân hoặc mở một chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tương ứng tại Liên minh Châu Âu hoặc tại Việt Nam⁸, với quan điểm thiết lập hoặc duy trì các liên kết kinh tế lâu dài;
- (g) "dịch vụ khai thác mặt đất" là việc cung ứng tại sân bay các dịch vụ sau: đại diện, quản lý và giám sát hãng hàng không; dịch vụ hành khách, dịch vụ hành lý; dịch vụ thang lên máy bay; dịch vụ cung cấp đồ ăn và thức uống; vận tải hàng không và dịch vụ thư tín; tiếp nhiên liệu máy bay, dịch vụ bảo dưỡng và làm sạch máy bay; vận chuyển mặt đất; vận hành bay, quản lý phi hành đoàn và kế hoạch bay; dịch vụ khai thác mặt đất không bao gồm an ninh, sửa chữa và bảo trì máy bay, hoặc quản lý hoặc vận hành cơ sở hạ tầng sân bay thiết yếu như các thiết bị làm tan băng, hệ thống phân phối nhiên liệu, hệ thống vận chuyển hành lý, và hệ thống vận tải liên sân bay cố định;
- (h) "nhà đầu tư" có nghĩa là một thể nhân hoặc một pháp nhân của một Bên tìm kiếm cơ hội để thành lập⁹, đang thành lập hoặc đã thành lập một doanh nghiệp trong lãnh thổ của Bên kia;
- (i) " pháp nhân" là bất kỳ thực thể pháp lý nào được thành lập hoặc tổ chức theo pháp luật phù hợp, dù có lợi nhuận hay không, và dù thuộc sở hữu tư nhân hay sở hữu nhà nước, bao gồm các công ty, quỹ ủy thác, đối tác, liên doanh, doanh nghiệp một chủ sở hữu hoặc hiệp hội;
- (j) "pháp nhân của một Bên" là một pháp nhân của Liên minh Châu Âu hoặc một pháp nhân của Việt Nam, được thành lập theo luật pháp và quy định của Liên minh Châu Âu hoặc của quốc gia thành viên thuộc Liên minh Châu Âu, hoặc của Việt Nam, và tham gia vào các hoạt động kinh doanh đáng kể¹⁰ trong lãnh thổ của Liên minh Châu Âu hay của Việt Nam;
- (k) "biện pháp được thông qua hoặc duy trì bởi một Bên" là các biện pháp được thực hiện bởi:

⁷ Để rõ ràng hơn, chi nhánh của một pháp nhân của một nước thứ ba sẽ không được coi là doanh nghiệp của một Bên.

⁸ Để rõ ràng hơn, điều này không bao gồm các hoạt động của doanh nghiệp theo định nghĩa tại điểm (m).

⁹ Để rõ ràng hơn, một nhà đầu tư "tìm kiếm cơ hội để thành lập" một doanh nghiệp đề cập đến một nhà đầu tư của một Bên mà đã có những bước tích cực để thành lập doanh nghiệp trong lãnh thổ của Bên kia, chẳng hạn như chuyển vốn hoặc các nguồn lực để thành lập một doanh nghiệp, hoặc nộp đơn xin giấy phép hoặc giấy chứng nhận.

¹⁰ Cùng với việc thông báo thực hiện Hiệp ước thành lập Cộng đồng Châu Âu gia nhập WTO (WT/REG39/1), Liên minh Châu Âu coi khái niệm "liên kết hiệu quả và liên tục" với các nền kinh tế của một nước thành viên của Liên minh Châu Âu tại Điều 54 của Hiệp ước vận hành Liên minh Châu Âu là tương đương với khái niệm "hoạt động kinh doanh đáng kể". Theo đó, đối với một pháp nhân được thành lập theo luật pháp và quy định của Việt Nam và chỉ có văn phòng đăng ký hoặc trụ sở chính trong lãnh thổ Việt Nam, Liên minh Châu Âu sẽ chỉ mở rộng những lợi ích của Hiệp định này nếu pháp nhân đó có liên kết kinh tế hiệu quả và liên tục với nền kinh tế Việt Nam.

- (i) các cơ quan và chính quyền trung ương, vùng hoặc địa phương;
và
 - (ii) các cơ quan phi chính phủ trong việc thực thi quyền hạn của chính phủ hoặc cơ quan trung ương, vùng hoặc địa phương;
 - (l) “thể nhân” là thể nhân của một Bên được quy định tại điểm (h) Điều 1.5;
 - (m) “hoạt động” nghĩa là, đối với một doanh nghiệp, việc thực hiện, quản lý, bảo trì, sử dụng, thụ hưởng, bán hoặc các hình thức xử lý khác của doanh nghiệp;¹¹
 - (n) “bán và tiếp thị các dịch vụ vận tải hàng không” nghĩa là các cơ hội để nhà vận chuyển hàng không có quan tâm tự do bán và tiếp thị các dịch vụ vận tải hàng không của mình bao gồm tất cả các khía cạnh của tiếp thị như nghiên cứu thị trường, quảng cáo và phân phối; các hoạt động này không bao gồm việc định giá dịch vụ vận tải hàng không và các điều kiện áp dụng;
 - (o) “dịch vụ” nghĩa là bất kỳ dịch vụ trong bất kỳ ngành nào ngoại trừ dịch vụ cung cấp nhằm thực thi quyền lực nhà nước;
 - (p) “các dịch vụ được cung cấp và các hoạt động được thực hiện nhằm thực thi thẩm quyền của chính phủ” nghĩa là các dịch vụ được cung cấp hoặc các hoạt động được thực hiện không phải trên cơ sở thương mại và không cạnh tranh với một hoặc nhiều chủ thể kinh tế;
 - (q) “nhà cung cấp dịch vụ” của một Bên là bất kỳ thể nhân hoặc pháp nhân nào của một Bên cung cấp dịch vụ; và
 - (r) “công ty con” của một pháp nhân của một Bên là một pháp nhân do một pháp nhân khác của Bên đó nắm quyền kiểm soát phù hợp với luật pháp và quy định trong nước của Bên đó.¹²
2. Một pháp nhân:
- (a) được "sở hữu" bởi thể nhân hoặc pháp nhân của một trong hai Bên nếu thể nhân hoặc pháp nhân đó sở hữu trên 50 phần trăm lợi ích cổ phần; hoặc
 - (b) được "kiểm soát" bởi thể nhân hoặc pháp nhân của một Bên nếu thể nhân hoặc pháp nhân đó có quyền chỉ định đa số các giám đốc hoặc có quyền điều hành hoạt động của pháp nhân đó một cách hợp pháp.
3. Mặc dù đã quy định trong định nghĩa “pháp nhân của một Bên” tại điểm 1(j), các công ty vận tải thành lập bên ngoài Liên minh Châu Âu hoặc Việt Nam và do các công dân của một nước thành viên Liên minh Châu Âu hoặc của Việt Nam nắm quyền kiểm soát tương ứng, vẫn thuộc điều chỉnh của Chương này nếu các tàu của họ được đăng ký theo luật pháp và quy định tương ứng tại một nước thành viên Liên minh Châu Âu hoặc tại

¹¹ Để chắc chắn hơn, hoạt động này không bao gồm các bước diễn ra tại thời điểm hoặc trước thời điểm hoàn thành các thủ tục cần thiết để thành lập doanh nghiệp liên quan theo quy định của pháp luật.

¹² Để chắc chắn hơn, công ty con của pháp nhân của một Bên cũng có thể là pháp nhân là công ty con của một công ty con khác của pháp nhân của Bên đó.

Việt Nam và treo cờ của nước thành viên Liên minh Châu Âu hoặc của Việt Nam.

MỤC B

TỰ DO HÓA ĐẦU TƯ

ĐIỀU 8.3

Phạm vi

1. Mục này áp dụng với các biện pháp do một Bên thông qua và duy trì mà ảnh hưởng đến việc thành lập hoặc hoạt động của một doanh nghiệp của một nhà đầu tư của Bên kia trong lãnh thổ của Bên thông qua hoặc duy trì các biện pháp đó.
2. Mục này không áp dụng với:
 - (a) dịch vụ nghe nhìn;
 - (b) khai khoáng, sản xuất và chế biến¹³ các vật liệu hạt nhân;
 - (c) sản xuất hoặc buôn bán vũ khí, đạn dược và vật liệu chiến tranh;
 - (d) vận tải đường biển nội địa;¹⁴
 - (e) dịch vụ vận tải hàng không quốc tế và nội địa, kể cả định kỳ hay không định kỳ, và các dịch vụ liên quan trực tiếp đến thương quyền bay, ngoại trừ:
 - (i) dịch vụ bảo trì và bảo dưỡng máy bay khi máy bay không hoạt động;
 - (ii) bán và tiếp thị dịch vụ vận tải hàng không;
 - (iii) các dịch vụ đặt, giữ chỗ qua máy tính (CRS); và
 - (iv) các dịch vụ khai thác mặt đất;và
 - (f) các dịch vụ được cung cấp và các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực thi quyền lực nhà nước.

¹³ Để rõ ràng hơn, chế biến các vật liệu hạt nhân bao gồm tất cả các hoạt động nêu tại *Bảng phân loại ngành tiêu chuẩn quốc tế của tất cả các hoạt động kinh tế* quy định trong Tài liệu thống kê, Văn phòng Thống kê của Liên hiệp quốc, Nhóm M, Số 4, ISIC REV 3.1, 2002 mã 2330..

¹⁴ Không ảnh hưởng đến phạm vi của các hoạt động cấu thành vận tải theo luật pháp và quy định trong nước, vận tải đường biển nội địa trong Mục này bao gồm vận tải hành khách hoặc hàng hóa giữa một cảng hoặc một địa điểm được đặt tại một nước thành viên của Liên minh Châu Âu hoặc tại Việt Nam và một cảng hoặc một địa điểm khác tại nước thành viên đó của Liên minh Châu Âu hoặc tại Việt Nam, bao gồm thêm lục địa của nước đó như nêu tại UNCLOS, và việc vận chuyển bắt đầu và kết thúc tại cùng một cảng hoặc một địa điểm tại một nước thành viên của Liên minh Châu Âu hoặc tại Việt Nam.

ĐIỀU 8.4

Tiếp cận thị trường

1. Liên quan đến tiếp cận thị trường thông qua việc thành lập và duy trì một doanh nghiệp, mỗi Bên sẽ dành sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó đã cam kết theo các điều khoản, hạn chế và điều kiện đã đồng ý và quy định tại Biểu cam kết cụ thể tương ứng của Bên đó tại Phụ lục 8-A (Biểu cam kết cụ thể của Liên minh Châu Âu) hoặc 8-B (Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam).
2. Trừ khi được nêu cụ thể tại các Biểu cam kết cụ thể tương ứng của mỗi Bên tại Phụ lục 8-A (Biểu cam kết cụ thể của Liên minh Châu Âu) hoặc 8-B (Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam), trong các ngành đã cam kết mở cửa thị trường, một Bên không được thông qua hoặc duy trì các biện pháp trong một khu vực hoặc toàn bộ lãnh thổ của Bên đó, như được mô tả dưới đây:
 - (a) các giới hạn về số lượng các doanh nghiệp có thể thực hiện một hoạt động kinh tế cụ thể, kể cả dưới hình thức hạn ngạch về số lượng, độc quyền, đặc quyền hoặc các yêu cầu về kiểm tra nhu cầu kinh tế;
 - (b) các giới hạn về tổng giá trị của giao dịch hoặc tài sản dưới hình thức hạn ngạch về số lượng hoặc yêu cầu về kiểm tra nhu cầu kinh tế;
 - (c) các hạn chế về tổng số các hoạt động dịch vụ hoặc tổng số lượng các dịch vụ đầu ra được tính theo đơn vị số lượng chỉ định dưới hình thức hạn ngạch hoặc yêu cầu về kiểm tra nhu cầu kinh tế;
 - (d) các hạn chế về sự tham gia vốn nước ngoài dưới hình thức các hạn chế về tỷ lệ tối đa của cổ phần nước ngoài hoặc tổng giá trị đầu tư nước ngoài, tính riêng hoặc cộng gộp;
 - (e) các biện pháp hạn chế hoặc yêu cầu các loại hình cụ thể của pháp nhân hoặc liên doanh thông qua đó một nhà đầu tư của Bên kia có thể thực hiện một hoạt động kinh tế; và
 - (f) các hạn chế về tổng số thể nhân có thể được tuyển dụng trong một ngành cụ thể hoặc một nhà đầu tư có thể tuyển dụng mà các thể nhân đó cần thiết cho và liên quan trực tiếp đến việc thực hiện một hoạt động kinh tế dưới hình thức hạn ngạch về số lượng hoặc yêu cầu về kiểm tra nhu cầu kinh tế.

ĐIỀU 8.5

Đối xử quốc gia

1. Trong các ngành được mô tả tại Biểu cam kết cụ thể tương ứng tại Phụ lục 8-A (Biểu cam kết cụ thể của Liên minh Châu Âu) hoặc 8-B (Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam) và phù hợp với bất kỳ điều kiện và trình độ chuyên môn nào được nêu trong các Biểu đó, mỗi Bên, liên quan đến việc thành lập trong lãnh thổ của Bên đó, sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên kia và doanh nghiệp của họ sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà

Bên đó dành cho nhà đầu tư của mình và doanh nghiệp của nhà đầu tư đó trong hoàn cảnh tương tự.

2. Liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp của nhà đầu tư, một Bên sẽ dành cho các nhà đầu tư của Bên kia và doanh nghiệp¹⁵ của các nhà đầu tư đó sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho nhà đầu tư của mình và doanh nghiệp của họ trong hoàn cảnh tương tự.
3. Mặc dù có khoản 2 và, phù hợp với Phụ lục 8-C (Ngoại lệ cho Việt Nam về Đối xử quốc gia) trong trường hợp của Việt Nam, một Bên có thể thông qua hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào liên quan đến hoạt động của một doanh nghiệp với điều kiện biện pháp đó không trái với các cam kết tương ứng nêu tại Phụ lục 8-A (Biểu cam kết cụ thể của Liên minh Châu Âu) hoặc 8-B (Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam), khi biện pháp đó là:
 - (a) một biện pháp được ban hành vào hoặc trước ngày có hiệu lực của Hiệp định này;
 - (b) một biện pháp nêu tại điểm (a) được tiếp tục thực hiện, thay thế hoặc sửa đổi sau ngày có hiệu lực của Hiệp định này, với điều kiện biện pháp đó không kém phù hợp hơn với khoản 2 sau khi biện pháp đó được tiếp tục thực hiện, thay thế hoặc sửa đổi so với biện pháp đã tồn tại trước khi tiếp tục thực hiện, thay thế hoặc sửa đổi; hoặc
 - (c) một biện pháp không thuộc điểm (a) hoặc (b), với điều kiện biện pháp đó không được áp dụng đối với hoặc theo cách gây ra thiệt hại cho doanh nghiệp được thành lập trên lãnh thổ của Bên đó trước ngày có hiệu lực của biện pháp đó.¹⁶

ĐIỀU 8.6

Đối xử tối huệ quốc

1. Liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp của nhà đầu tư nước ngoài trên lãnh thổ của mình, mỗi Bên sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên kia và doanh nghiệp của nhà đầu tư đó sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho nhà đầu tư của một nước thứ ba và doanh nghiệp của nhà đầu tư của nước thứ ba đó, trong hoàn cảnh tương tự.
2. Khoản 1 không áp dụng đối với các ngành sau:

¹⁵ Với mục đích của khoản này và Điều 8.6 (Đối xử tối huệ quốc), “doanh nghiệp của họ” nghĩa là doanh nghiệp của các nhà đầu tư của một Bên tồn tại trên lãnh thổ của Bên kia vào ngày Hiệp định này có hiệu lực hoặc được thành lập, mua lại sau đó mà được thành lập phù hợp với luật pháp và quy định áp dụng của Bên kia.

¹⁶ Với mục đích của điểm này, các Bên hiểu rằng nếu một Bên đã dành một khoảng thời gian hợp lý để thực hiện một biện pháp hoặc nếu một Bên đã thực hiện bất kỳ nỗ lực nào khác để giải quyết các tác động của biện pháp đó đối với các doanh nghiệp được thành lập trước ngày có hiệu lực của biện pháp đó, các yếu tố này sẽ được xem xét trong quá trình xác định liệu biện pháp đó có gây thiệt hại cho doanh nghiệp đã được thực hiện trước ngày có hiệu lực của biện pháp đó.

- (a) dịch vụ truyền thông, ngoại trừ dịch vụ bưu chính và dịch vụ viễn thông;
 - (b) dịch vụ giải trí, văn hóa và thể thao;
 - (c) thủy sản và nuôi trồng thủy sản;
 - (d) lâm nghiệp và săn bắn; và
 - (e) khai khoáng, bao gồm dầu và khí.
3. Khoản 1 không được hiểu là bắt buộc một Bên dành cho nhà đầu tư của Bên kia hoặc doanh nghiệp của nhà đầu tư đó lợi ích từ bất kỳ sự đối xử nào được cam kết tại các hiệp định song phương, khu vực hoặc đa phương đã có hiệu lực trước ngày Hiệp định này có hiệu lực.
4. Khoản 1 không được hiểu là bắt buộc một Bên dành cho nhà đầu tư của Bên kia hoặc doanh nghiệp của các nhà đầu tư đó lợi ích từ:
- (a) bất kỳ sự đối xử nào theo cam kết tại các hiệp định song phương, khu vực hoặc đa phương mà bao gồm cam kết xóa bỏ đáng kể tất cả các rào cản đối với hoạt động của các doanh nghiệp giữa các bên hoặc yêu cầu sự tương đương của pháp luật của các bên trong một hoặc nhiều ngành kinh tế;¹⁷
 - (b) bất kỳ sự đối xử từ các hiệp định quốc tế về tránh đánh thuế hai lần hoặc các hiệp định quốc tế khác hoặc các thỏa thuận liên quan toàn bộ hoặc một phần đến thuế; hoặc
 - (c) bất kỳ sự đối xử từ các biện pháp nhằm công nhận các trình độ chuyên môn, giấy phép hoặc các biện pháp thận trọng phù hợp với Điều VII của GATS hoặc các Phụ lục về Dịch vụ tài chính thuộc GATS.
5. Để rõ ràng hơn, “sự đối xử” nêu tại khoản 1 không bao gồm các cơ chế và thủ tục giải quyết tranh chấp, như giải quyết tranh chấp đầu tư giữa các nhà đầu tư và nhà nước, được quy định trong các hiệp định song phương, khu vực hoặc đa phương. Các nghĩa vụ trọng yếu trong các hiệp định đó không tự tạo ra “sự đối xử” và do đó không thể được xem xét khi đánh giá một vi phạm của Điều này. Các biện pháp của một Bên theo các nghĩa vụ trọng yếu sẽ được coi là “sự đối xử”.
6. Điều này sẽ được giải thích phù hợp với nguyên tắc *cùng loại (ejusdem generis)*.¹⁸

¹⁷ Để rõ ràng hơn, Cộng đồng kinh tế ASEAN được coi là một hiệp định khu vực theo khoản này.

¹⁸ Để rõ ràng hơn, khoản này không được hiểu là ngăn cản sự giải thích của các điều khoản khác của Hiệp định này, khi thích hợp, phù hợp với nguyên tắc *cùng loại (ejusdem generis)*.

Điều 8.7

Biểu cam kết cụ thể

Các lĩnh vực được mỗi Bên tự do hóa theo Mục này và các điều khoản, hạn chế, điều kiện và trình độ chuyên môn nêu tại Điều 8.4 (Tiếp cận thị trường), 8.5 (Đối xử quốc gia) và 8.8 (Yêu cầu thực hiện) được quy định tương ứng tại biểu cam kết cụ thể của mỗi Bên bao gồm trong Tiêu Phụ lục 8-A-2 của Phụ lục 8-A (Biểu cam kết cụ thể của Liên minh Châu Âu) hoặc trong Tiêu phụ lục 8-B-1 của Phụ lục 8-B (Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam).

ĐIỀU 8.8

Yêu cầu thực hiện

1. Trong các ngành được mô tả tại Biểu cam kết cụ thể tương ứng của mỗi Bên tại Phụ lục 8-A (Biểu cam kết cụ thể của Liên minh Châu Âu) hoặc 8-B (Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam) và phù hợp với các điều kiện và trình độ chuyên môn nêu tại Biểu đó, mỗi Bên không được áp đặt hoặc thực hiện bất kỳ yêu cầu sau dưới dạng bắt buộc hoặc có hiệu lực thi hành theo pháp luật trong nước hoặc theo các phán quyết hành chính liên quan đến việc thành lập hoặc hoạt động của bất kỳ doanh nghiệp của nhà đầu tư của một Bên hoặc của nước thứ 3 trên lãnh thổ của mình:
 - (a) xuất khẩu một mức độ hoặc tỷ lệ nhất định hàng hóa hoặc dịch vụ;
 - (b) đạt một mức độ hoặc một tỷ lệ nhất định hàm lượng nội địa hóa;
 - (c) mua, sử dụng hoặc dành ưu đãi đối với hàng hóa được sản xuất hoặc dịch vụ được cung cấp trong lãnh thổ của mình, hoặc mua hàng hóa hoặc dịch vụ từ thể nhân hoặc doanh nghiệp trong lãnh thổ của mình;
 - (d) ràng buộc bằng bất kỳ cách thức nào số lượng hoặc giá trị nhập khẩu với số lượng hoặc giá trị xuất khẩu hoặc nguồn thu ngoại tệ gắn với doanh nghiệp đó;
 - (e) hạn chế việc bán hàng hóa hoặc dịch vụ của doanh nghiệp sản xuất hoặc cung ứng trên lãnh thổ của mình thông qua sự ràng buộc giữa việc bán hàng đó dưới bất kỳ hình thức nào với số lượng hoặc giá trị xuất khẩu hoặc các khoản thu ngoại tệ của doanh nghiệp đó;
 - (f) chuyển giao công nghệ, một quy trình sản xuất hoặc bất kỳ kiến thức độc quyền khác cho một thể nhân hoặc doanh nghiệp trong lãnh thổ của mình; hoặc
 - (g) cung cấp độc quyền hàng hóa được sản xuất hoặc dịch vụ được cung cấp bởi doanh nghiệp đó từ lãnh thổ của Bên đó đến một khu vực cụ thể hoặc thị trường thế giới.
2. Trong các ngành được mô tả tại Biểu cam kết cụ thể tương ứng của mỗi Bên tại Phụ lục 8-A (Biểu cam kết cụ thể của Liên minh Châu Âu) hoặc 8-B (Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam) và phù hợp với các điều kiện và

trình độ chuyên môn nêu tại Biểu đó, mỗi Bên không được áp đặt điều kiện hưởng hoặc tiếp tục hưởng ưu đãi liên quan đến việc thành lập hoặc hoạt động của một doanh nghiệp của một nhà đầu tư của một Bên hoặc của một nước thứ ba trên lãnh thổ của mình, phù hợp với bất kỳ yêu cầu nào sau đây:

- (a) đạt một mức độ hoặc một tỷ lệ nhất định hàm lượng nội địa hóa;
 - (b) mua, sử dụng hoặc dành ưu đãi đối với hàng hóa được sản xuất tại lãnh thổ nước mình, hoặc mua hàng hóa từ các nhà sản xuất trong lãnh thổ của mình;
 - (c) ràng buộc dưới bất kỳ hình thức nào số lượng hoặc giá trị nhập khẩu với số lượng hoặc giá trị xuất khẩu hoặc nguồn thu ngoại tệ gắn với doanh nghiệp đó; hoặc
 - (d) hạn chế việc bán hàng hóa hoặc dịch vụ của doanh nghiệp sản xuất hoặc cung ứng trên lãnh thổ của mình thông qua sự ràng buộc giữa việc bán hàng đó dưới bất kỳ hình thức nào với số lượng hoặc giá trị xuất khẩu hoặc các khoản thu ngoại tệ của doanh nghiệp đó.
3. Khoản 2 không được hiểu là ngăn cản một Bên áp đặt điều kiện nhận hoặc tiếp tục nhận ưu đãi liên quan đến bất kỳ doanh nghiệp nào trong lãnh thổ của mình phù hợp với yêu cầu về địa điểm sản xuất, cung cấp một dịch vụ, đào tạo hoặc tuyển dụng lao động, xây dựng hoặc mở rộng các cơ sở cụ thể, hoặc tiến hành nghiên cứu và phát triển trong lãnh thổ của mình.
 4. Điểm 1(f) không được hiểu là ngăn cản việc áp dụng một yêu cầu được áp đặt hoặc một cam kết hoặc biện pháp được thực thi bởi tòa án, cơ quan giải quyết tranh chấp hoặc cơ quan quản lý cạnh tranh nhằm khắc phục vi phạm luật cạnh tranh.
 5. Các điểm 1(a) đến 1(c), 2(c) và 2(b) không áp dụng đối với các yêu cầu về hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan đến việc tham gia chương trình xúc tiến xuất khẩu và viện trợ nước ngoài.
 6. Để rõ ràng hơn, các điểm 2(a) và 2(b) không áp dụng với các yêu cầu được áp đặt bởi một Bên nhập khẩu liên quan đến hàm lượng hàng hóa cần thiết để đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi về thuế hoặc ưu đãi về hạn ngạch.
 7. Để rõ ràng hơn, khoản 1 và 2 không áp dụng đối với bất kỳ yêu cầu nào khác trừ các yêu cầu được nêu tại các khoản đó.
 8. Điều khoản này không áp dụng đối với các biện pháp được thông qua hoặc duy trì bởi một Bên phù hợp với điểm 8(b) Điều III của GATT 1994.

MỤC C

CUNG CẤP DỊCH VỤ QUA BIÊN GIỚI

ĐIỀU 8.9

Phạm vi

Mục này áp dụng đối với các biện pháp của các Bên ảnh hưởng đến việc cung cấp qua biên giới tất cả các ngành dịch vụ, ngoại trừ:

- (a) dịch vụ nghe nhìn;
- (b) vận tải đường biển nội địa¹⁹; và
- (c) dịch vụ vận tải hàng không nội địa và quốc tế, kể cả định kỳ hay không định kỳ, và các dịch vụ liên quan trực tiếp đến thương quyền bay, ngoại trừ:
 - (i) dịch vụ bảo trì và bảo dưỡng máy bay khi máy bay ngừng cung cấp dịch vụ;
 - (ii) bán và tiếp thị dịch vụ vận tải hàng không;
 - (iii) dịch vụ đặt, giữ chỗ qua máy tính (CRS); và
 - (iv) các dịch vụ khai thác mặt đất;

ĐIỀU 8.10

Tiếp cận thị trường

1. Đối với tiếp cận thị trường thông qua việc cung cấp dịch vụ qua biên giới, mỗi Bên phải dành cho dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó đã cam kết theo các điều khoản, hạn chế và điều kiện đã thống nhất và quy định trong Biểu cam kết cụ thể tương ứng của mỗi Bên tại Phụ lục 8-A (Biểu cam kết cụ thể của Liên minh Châu Âu) hoặc 8-B (Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam).
2. Trong các ngành đã có cam kết tiếp cận thị trường, một Bên không được thông qua hoặc duy trì các biện pháp trong một khu vực hoặc toàn bộ lãnh thổ của Bên đó, trừ trường hợp có quy định khác tại Biểu cam kết cụ thể của mỗi Bên, như được mô tả dưới đây:

¹⁹ Không ảnh hưởng đến phạm vi của các hoạt động cấu thành vận tải đường biển nội địa theo luật pháp và quy định trong nước, vận tải đường biển nội địa trong Mục này bao gồm vận tải hành khách hoặc hàng hóa giữa một cảng hoặc một địa điểm được đặt tại một nước thành viên của Liên minh Châu Âu hoặc tại Việt Nam và một cảng hoặc một địa điểm khác tại nước thành viên đó của Liên minh Châu Âu hoặc tại Việt Nam, bao gồm cả thêm lục địa của nước đó theo quy định tại Công ước UNCLOS, và điểm xuất phát và kết thúc tại cùng một cảng hoặc một điểm đặt tại một nước thành viên của Liên minh Châu Âu hoặc tại Việt Nam.

- (a) những hạn chế về số lượng các nhà cung cấp dịch vụ kể cả dưới hình thức hạn ngạch về số lượng, độc quyền, các nhà cung cấp dịch vụ đặc quyền hoặc các yêu cầu về kiểm tra nhu cầu kinh tế;
- (b) những hạn chế về tổng giá trị giao dịch dịch vụ hoặc tài sản dưới hình thức hạn ngạch số lượng hoặc các yêu cầu về kiểm tra nhu cầu kinh tế; và
- (c) những hạn chế về tổng số các hoạt động dịch vụ hoặc tổng lượng sản phẩm dịch vụ đầu ra được tính theo đơn vị số lượng được chỉ định dưới hình thức hạn ngạch hoặc yêu cầu về kiểm tra nhu cầu kinh tế.

ĐIỀU 8.11

Đối xử quốc gia

1. Trong các ngành được liệt kê tại Biểu cam kết cụ thể tương ứng của mỗi Bên tại Phụ lục 8-A (Biểu cam kết cụ thể của Liên minh Châu Âu) hoặc 8-B (Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam) và theo bất kỳ điều kiện và trình độ chuyên môn nào được nêu trong các Biểu đó, mỗi Bên phải dành cho dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia, đối với tất cả các biện pháp ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ qua biên giới, sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ tương tự của mình.
2. Một Bên có thể được coi là đáp ứng yêu cầu của khoản 1 nếu dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia được dành sự đối xử y hệt hoặc sự đối xử khác biệt một cách hình thức so với sự đối xử mà Bên đó dành cho dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ tương tự của mình.
3. Sự đối xử y hệt hoặc sự đối xử khác biệt một cách hình thức sẽ được coi là kém thuận lợi hơn nếu việc đó làm thay đổi các điều kiện cạnh tranh theo hướng có lợi cho dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ của Bên đó so với dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ tương tự của Bên kia.
4. Các cam kết cụ thể theo Điều này sẽ không được hiểu là yêu cầu bất kỳ Bên nào bồi thường cho những bất lợi cạnh tranh vốn có do yếu tố nước ngoài của dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ liên quan.

ĐIỀU 8.12

Biểu cam kết cụ thể

Các ngành được mỗi Bên tự do hóa theo quy định tại Mục này và các điều khoản, hạn chế, điều kiện và trình độ chuyên môn nêu tại Điều 8.10 (Tiếp cận thị trường) và 8.11 (Đối xử quốc gia) được quy định Biểu cam kết cụ thể tương ứng của mỗi Bên tại Tiểu phụ lục 8-A-1 của Phụ lục 8-A (Biểu cam kết cụ thể của Liên minh Châu Âu) hoặc Tiểu phụ lục 8-B-1 của Phụ lục 8-B (Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam).

MỤC D
HIỆN DIỆN TẠM THỜI CỦA THỂ NHÂN
VÌ MỤC ĐÍCH KINH DOANH

ĐIỀU 8.13

Phạm vi và định nghĩa

1. Mục này áp dụng đối với các biện pháp của một Bên liên quan đến việc nhập cảnh và lưu trú tạm thời của khách kinh doanh, người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp, người chào bán dịch vụ, nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng và chuyên gia độc lập.
2. Vi mục đích của Mục này:
 - (a) “người chào bán dịch vụ” là các thể nhân đại diện cho một nhà cung cấp dịch vụ hoặc hàng hóa của một Bên đang tìm kiếm cơ hội nhập cảnh và lưu trú tạm thời trên lãnh thổ của Bên kia vì mục đích đàm phán chào bán dịch vụ hoặc hàng hóa, hoặc tham gia vào các thỏa thuận để bán dịch vụ hoặc hàng hóa cho nhà cung cấp đó. Các thể nhân này không tham gia vào việc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ; cũng không tham gia vào việc bán hàng trực tiếp cho công chúng và không nhận thù lao từ một nguồn nào đặt tại Bên sở tại, cũng như không được làm đại lý hoa hồng;
 - (b) “khách kinh doanh vì mục đích thành lập” được hiểu là các thể nhân giữ vị trí cấp cao trong một pháp nhân của một Bên và chịu trách nhiệm cho việc thành lập một doanh nghiệp của pháp nhân đó. Các thể nhân này không chào bán hoặc cung cấp dịch vụ hoặc tham gia vào bất kỳ hoạt động kinh tế nào khác ngoài các hoạt động cần thiết cho mục đích thành lập, và không nhận thù lao từ một nguồn nào đặt tại Bên sở tại;
 - (c) “nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng” là các thể nhân được thuê bởi pháp nhân của một Bên không phải là một cơ quan tuyển dụng và cung cấp dịch vụ nhân sự cũng như không hoạt động thông qua một cơ quan như vậy. Pháp nhân này chưa thành lập cơ sở trên lãnh thổ của Bên kia và đã ký kết một hợp đồng²⁰ thực sự để cung cấp dịch vụ với người tiêu dùng cuối cùng tại Bên đó mà đòi hỏi sự hiện diện tạm thời của người lao động tại Bên đó, để thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ;
 - (d) “chuyên gia độc lập” là các thể nhân tham gia vào việc cung cấp một dịch vụ và đã thành lập theo hình thức tự doanh trên lãnh thổ của một Bên, nhưng chưa thành lập trên lãnh thổ của Bên kia và đã ký

²⁰ Hợp đồng dịch vụ phải tuân thủ yêu cầu của pháp luật và các quy định và yêu cầu của Bên nơi hợp đồng được thực hiện.

kết một hợp đồng²¹ thực sự không thông qua một cơ quan tuyển dụng và cung cấp dịch vụ nhân sự với người tiêu dùng cuối cùng tại Bên đó mà đòi hỏi sự hiện diện tạm thời của các thể nhân này tại Bên đó, để thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ.

- (e) “người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp” là các thể nhân đã được thuê bởi một pháp nhân hoặc chi nhánh của pháp nhân đó hoặc là cộng sự của pháp nhân đó ít nhất trong một năm và tạm thời chuyển công tác sang một doanh nghiệp của pháp nhân đó tại lãnh thổ của Bên kia với điều kiện thể nhân đó là cấp quản lý hoặc giám đốc, chuyên gia hoặc nhân viên thực tập;
- (f) “người quản lý hoặc giám đốc điều hành” là các thể nhân làm việc ở một vị trí cấp cao trong một pháp nhân của một Bên, là người chủ yếu trực tiếp quản lý doanh nghiệp²² tại Bên kia và nhận được sự giám sát hoặc chỉ đạo chung từ các ban giám đốc hoặc từ các cổ đông của doanh nghiệp hoặc tương đương, bao gồm ít nhất:
 - (i) việc chỉ đạo doanh nghiệp hoặc một ban hoặc bộ phận của doanh nghiệp;
 - (ii) việc giám sát và kiểm soát công việc của các nhân viên giám sát, chuyên môn hoặc quản lý khác; và
 - (iii) có thẩm quyền tuyển dụng và sa thải hoặc kiến nghị tuyển dụng, sa thải hoặc các hoạt động khác liên quan đến nhân sự;
- (g) “trình độ chuyên môn” là bằng cấp, chứng chỉ và bằng chứng khác của trình độ chuyên môn chính thức được cấp bởi cơ quan được chỉ định theo quy định của pháp luật, quy định quản lý hoặc hành chính, và xác nhận hoàn tất đào tạo chuyên nghiệp;
- (h) “các chuyên gia” là các thể nhân làm việc tại một pháp nhân và có kiến thức chuyên môn cần thiết cho các lĩnh vực hoạt động của cơ sở được thành lập, có kỹ thuật hoặc kỹ năng quản lý. Việc đánh giá kiến thức này cần tính đến không chỉ kiến thức cụ thể đối với việc thành lập mà cả trình độ chuyên môn cao bao gồm kinh nghiệm chuyên môn phù hợp đối với công việc hoặc hoạt động đòi hỏi phải có kiến thức kỹ thuật cụ thể, có thể bao gồm chứng chỉ thành viên của một nghề được công nhận; và
- (i) “nhân viên thực tập” là các thể nhân đã được thuê bởi một pháp nhân hoặc chi nhánh của pháp nhân trong thời gian ít nhất một năm, có bằng đại học và luân chuyển tạm thời vì mục đích phát triển nghề

²¹ Hợp đồng dịch vụ phải tuân thủ yêu cầu của pháp luật và các quy định và yêu cầu của Bên nơi hợp đồng được thực hiện.

²² Để rõ ràng hơn, trong khi người quản lý hoặc giám đốc điều hành không trực tiếp thực thi các nhiệm vụ có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ, điểm này không ngăn cản họ thực thi các nhiệm vụ có thể cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ trong quá trình thực hiện các trách nhiệm quản lý của mình.

nghiệp hoặc để đào tạo về kỹ năng hoặc các phương pháp kinh doanh.²³

ĐIỀU 8.14

Khách kinh doanh và người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp

1. Đối với các ngành được tự do hóa theo quy định của Mục B (Tự do hóa đầu tư), mỗi Bên cho phép các nhà đầu tư của Bên kia được tuyển dụng vào doanh nghiệp của họ các thể nhân của Bên kia nếu người đó là khách kinh doanh hoặc người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp.²⁴
2. Việc nhập cảnh và tạm trú đối với:
 - (a) người quản lý hoặc giám đốc điều hành, thời hạn tối đa được phép là ba năm;
 - (b) chuyên gia, thời hạn tối đa được phép là ba năm;
 - (c) nhân viên thực tập, thời hạn tối đa được phép là một năm; và
 - (d) khách kinh doanh vì mục đích thành lập, thời hạn tối đa được phép là 90 ngày²⁵.
3. Đối với các ngành tự do hóa theo quy định tại Mục B (Tự do hóa đầu tư), một Bên không được thông qua hoặc duy trì hoặc tại một vùng hoặc toàn bộ lãnh thổ của mình các hạn chế về số lượng thể nhân mà một nhà đầu tư có thể tuyển dụng với tư cách khách kinh doanh vì mục đích thành lập, người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp trong một ngành cụ thể dưới các hình thức hạn ngạch số lượng hoặc yêu cầu về kiểm tra nhu cầu kinh tế và các hạn chế phân biệt đối xử trừ khi được quy định tương ứng tại Tiểu phụ lục 8-A-3 của Phụ lục 8-A (Biểu cam kết cụ thể của Liên minh Châu Âu) và Tiểu phụ lục 8-B-2 của Phụ lục 8-B (Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam).

ĐIỀU 8.15

Người chào bán dịch vụ

Đối với mỗi ngành tự do hóa theo quy định tại Mục B (Tự do hóa đầu tư) hoặc Mục C (Cung cấp dịch vụ qua biên giới) và theo các bảo lưu được liệt kê tại Tiểu phụ lục 8-A-3 của Phụ lục 8-A (Biểu cam kết cụ thể của Liên minh Châu Âu) và Tiểu phụ lục 8-B-2 của Phụ lục 8-B (Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam).

²³ Các doanh nghiệp tiếp nhận có thể được yêu cầu nộp chương trình đào tạo bao gồm thời gian lưu trú để được xét duyệt, trong đó chứng minh mục đích lưu trú là để đào tạo. Đối với Cộng hòa Séc, Đức, Tây Ban Nha, Pháp, Hung-ga-ri và Áo, việc đào tạo phải gắn với bằng đại học chuyên môn đạt được.

²⁴ Đối với Việt Nam, các nghĩa vụ phát sinh từ Mục này liên quan đến nhân viên thực tập sẽ có hiệu lực 3 năm sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

²⁵ Đối với Liên minh châu Âu, thời hạn 90 ngày phải nằm trong khoảng thời gian 12 tháng bất kỳ.

Nam), mỗi Bên sẽ cho phép người chào bán dịch vụ được nhập cảnh và lưu trú tạm thời trong khoảng thời gian đến 90 ngày.²⁶

ĐIỀU 8.16

Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng

1. Các Bên khẳng định nghĩa vụ tương ứng phát sinh từ các cam kết của mình trong Hiệp định GATS liên quan đến việc nhập cảnh và lưu trú tạm thời của nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng.
2. Đối với các ngành hoặc phân ngành được liệt kê dưới đây, mỗi Bên cho phép người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng của Bên kia cung cấp dịch vụ vào lãnh thổ của mình, tùy thuộc vào các điều kiện quy định tại khoản 3 và bất kỳ bảo lưu nào được liệt kê trong Tiểu phụ lục 8-A-3 của Phụ lục 8-A (Biểu cam kết cụ thể của Liên minh Châu Âu) và Tiểu phụ lục 8-B-2 của Phụ lục 8-B (Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam):
 - (a) dịch vụ kiến trúc;
 - (b) dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị;
 - (c) dịch vụ tư vấn kỹ thuật;
 - (d) dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ;
 - (e) dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan;
 - (f) dịch vụ giáo dục bậc cao (chỉ đối với dịch vụ do tư nhân đầu tư);
 - (g) dịch vụ đào tạo ngoại ngữ; và
 - (h) dịch vụ môi trường.
3. Cam kết mà các Bên đưa ra phải tuân thủ các điều kiện sau:
 - (a) thể nhân tham gia vào việc cung cấp dịch vụ tạm thời phải với tư cách là nhân viên của một pháp nhân đã có hợp đồng cung cấp dịch vụ không quá mười hai tháng;
 - (b) thể nhân nhập cảnh vào Bên kia cần cung cấp các dịch vụ với tư cách là nhân viên của một pháp nhân cung cấp các dịch vụ đó trong ít nhất hai năm ngay trước ngày nộp đơn xin nhập cảnh vào Bên đó. Ngoài ra, thể nhân này, tại thời điểm nộp đơn xin nhập cảnh vào Bên kia, phải có ít nhất năm năm kinh nghiệm chuyên môn²⁷ trong lĩnh vực hoạt động là đối tượng của hợp đồng;
 - (c) thể nhân nhập cảnh vào Bên kia phải có:
 - (i) bằng đại học hoặc bằng cấp thể hiện trình độ kiến thức tương đương²⁸; và
 - (ii) bằng cấp chuyên môn cần thiết để thực hiện một hoạt động theo quy định của pháp luật, quy định hoặc yêu cầu pháp lý của Bên nơi mà dịch vụ được cung cấp;

²⁶ Đối với Liên minh châu Âu, thời hạn 90 ngày phải nằm trong khoảng thời gian 12 tháng bất kỳ.

²⁷ Để rõ ràng hơn, thời hạn này phải được tính từ sau khi thể nhân đó đã đến tuổi trưởng thành.

²⁸ Trường hợp trình độ hoặc bằng cấp không được cấp tại Bên nơi mà dịch vụ được cung cấp, Bên đó có thể đánh giá trình độ hoặc bằng cấp này có tương đương với bằng cấp đại học yêu cầu trong lãnh thổ của mình hay không.

- (d) thể nhân không được nhận thù lao cho việc cung cấp các dịch vụ trên lãnh thổ của Bên kia ngoài thù lao do pháp nhân sử dụng thể nhân đó trả;
- (e) việc nhập cảnh và lưu trú tạm thời của thể nhân tại Bên liên quan phải được cho phép trong một thời hạn cộng dồn không quá sáu tháng²⁹ hoặc thời hạn của hợp đồng, tùy thuộc vào thời hạn nào ngắn hơn;
- (f) việc tiếp cận thị trường theo Điều này chỉ liên quan đến các hoạt động dịch vụ là đối tượng của hợp đồng và không trao quyền để thực hiện các chức danh chuyên môn của Bên nơi dịch vụ được cung cấp;
- (g) số lượng thể nhân được điều chỉnh bởi hợp đồng dịch vụ không được lớn hơn mức cần thiết để thực hiện hợp đồng, vì có thể được quy định bởi pháp luật, quy định hoặc yêu cầu pháp lý khác của Bên nơi dịch vụ được cung cấp; và
- (h) các hạn chế phân biệt đối xử khác, kể cả về số lượng thể nhân theo hình thức kiểm tra nhu cầu kinh tế, quy định tại Tiểu phụ lục 8-A-3 của Phụ lục 8-A (Biểu cam kết cụ thể của Liên minh Châu Âu) và Tiểu phụ lục 8-B-2 của Phụ lục 8-B (Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam).

ĐIỀU 8.17

Chuyên gia độc lập

Năm năm sau khi Hiệp định này có hiệu lực, các Bên sẽ rà soát Mục này nhằm xem xét thiết lập các phương thức để mở rộng các quy định về chuyên gia độc lập.

MỤC E

KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ

TIÊU MỤC 1

QUY ĐỊNH TRONG NƯỚC

ĐIỀU 8.18

Phạm vi và định nghĩa

1. Tiêu Mục này áp dụng đối với các biện pháp của các Bên liên quan đến yêu cầu và thủ tục cấp phép, yêu cầu và thủ tục về trình độ chuyên môn ảnh hưởng đến:
 - (a) cung cấp dịch vụ qua biên giới;

²⁹ Đối với Liên minh châu Âu, thời hạn cộng dồn không quá 6 tháng phải nằm trong khoảng thời gian 12 tháng bất kỳ.

- (b) thành lập và duy trì một pháp nhân hoặc thể nhân; và
 - (c) lưu trú tạm thời của các loại hình thể nhân trong lãnh thổ tương ứng.
2. Tiêu Mục này chỉ áp dụng cho các ngành mà một Bên có cam kết cụ thể và trong phạm vi mà những cam kết cụ thể đó được áp dụng.
 3. Tiêu Mục này không áp dụng đối với các biện pháp trong phạm vi mà các biện pháp đó tạo ra các hạn chế được liệt kê tại Điều 8.4 (Tiếp cận thị trường), 8.5 (Đối xử quốc gia), 8.10 (Tiếp cận thị trường) hoặc 8.11 (Đối xử quốc gia).
 4. Vì mục đích của Mục này:
 - (a) "cơ quan có thẩm quyền" là bất kỳ cơ quan hoặc chính quyền trung ương, vùng hoặc địa phương hoặc cơ quan phi chính phủ thực thi thẩm quyền của chính phủ hoặc các cơ quan trung ương, vùng hoặc địa phương, đưa ra một quyết định liên quan đến việc cho phép cung cấp một dịch vụ, kể cả thông qua việc thành lập hoặc liên quan đến việc cấp phép thành lập một hoạt động kinh tế khác ngoài dịch vụ;
 - (b) "thủ tục cấp phép" là các quy tắc hành chính hoặc thủ tục mà thể nhân hoặc pháp nhân, đang xin cấp phép để thực hiện các hoạt động theo quy định tại khoản 1, bao gồm cả việc sửa đổi hoặc gia hạn giấy phép, phải tuân thủ để chứng minh sự phù hợp với các yêu cầu cấp phép;
 - (c) "yêu cầu cấp phép" là các yêu cầu cơ bản, ngoài các yêu cầu về trình độ chuyên môn, mà thể nhân hoặc pháp nhân phải tuân thủ để được cấp mới, sửa đổi hoặc gia hạn giấy phép để thực hiện các hoạt động theo quy định tại khoản 1;
 - (d) "thủ tục xem xét trình độ chuyên môn" là quy tắc hành chính hoặc thủ tục mà một thể nhân phải tuân theo để chứng minh sự phù hợp với các yêu cầu về trình độ chuyên môn, với mục đích được cho phép cung cấp một dịch vụ; và
 - (e) "yêu cầu trình độ chuyên môn" là các yêu cầu cơ bản liên quan đến năng lực của một thể nhân để được cung cấp dịch vụ, và yêu cầu phải chứng minh cho mục đích xin cấp phép cung cấp dịch vụ.

ĐIỀU 8.19

Điều kiện cấp phép và trình độ chuyên môn

1. Mỗi Bên phải đảm bảo các biện pháp liên quan đến yêu cầu và thủ tục cấp phép, cũng như các yêu cầu và thủ tục về trình độ chuyên môn dựa trên các tiêu chí sau:
 - (a) rõ ràng;
 - (b) khách quan và minh bạch; và

- (c) đã được quy định và sẵn sàng cho công chúng và những người quan tâm tiếp cận.
- Việc ủy quyền hoặc cấp phép, nếu có, phải được thực hiện ngay khi có quy định, dựa trên việc kiểm tra phù hợp, là các điều kiện để được ủy quyền hoặc cấp phép đã được đáp ứng.
 - Mỗi Bên phải duy trì hoặc thiết lập toà án hoặc thủ tục tư pháp, trọng tài hoặc hành chính, theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhà cung cấp dịch vụ bị ảnh hưởng, để cung cấp một đánh giá kịp thời và biện pháp phù hợp, nếu có thể, về quyết định hành chính ảnh hưởng đến việc thành lập, cung cấp các dịch vụ qua biên giới hoặc hiện diện tạm thời của thể nhân vì mục đích kinh doanh. Khi những thủ tục này không độc lập với cơ quan đã ra quyết định hành chính liên quan, mỗi Bên phải đảm bảo rằng các thủ tục sẽ đưa ra một đánh giá khách quan và vô tư.

Khoản này sẽ không được hiểu là yêu cầu một Bên thiết lập toà án hoặc thủ tục không phù hợp với thể chế hoặc bản chất của hệ thống pháp luật của mình.

ĐIỀU 8.20

Thủ tục cấp phép và trình độ chuyên môn

- Hình thức và thủ tục cấp phép và trình độ chuyên môn không được tạo thành hạn chế đối với việc cung cấp một dịch vụ hoặc theo đuổi bất kỳ hoạt động kinh tế khác. Mỗi Bên sẽ nỗ lực để các hình thức và thủ tục này đơn giản nhất có thể và đảm bảo rằng các hình thức và thủ tục đó không làm phức tạp hoặc trì hoãn không thoả đáng việc cung cấp dịch vụ. Bất kỳ phí cấp phép³⁰ mà người nộp hồ sơ phải trả cần phải hợp lý và không hạn chế việc cung cấp dịch vụ liên quan.
- Mỗi Bên phải đảm bảo rằng các thủ tục được áp dụng và các quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình cấp phép hoặc ủy quyền là công bằng đối với tất cả người nộp hồ sơ. Cơ quan có thẩm quyền cần đưa ra quyết định của mình một cách độc lập và không chịu trách nhiệm với bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ hoặc người thực hiện các hoạt động kinh tế nào cần có giấy phép hoặc ủy quyền.
- Trường hợp có quy định về khoảng thời gian cụ thể cho việc nộp hồ sơ trong luật pháp và quy định của mỗi Bên, người nộp hồ sơ phải được dành một khoảng thời gian hợp lý cho việc nộp hồ sơ. Cơ quan có thẩm quyền sẽ xử lý hồ sơ không chậm trễ. Nếu có thể, hồ sơ xin phép sẽ được chấp nhận ở định dạng điện tử theo cùng điều kiện về tính xác thực như hồ sơ gốc.

³⁰ Phí cấp phép không bao gồm các khoản chi cho đấu giá, đấu thầu hoặc các phương thức không phân biệt đối xử khác áp dụng cho việc chuyển nhượng, hoặc các khoản đóng góp bắt buộc để cung cấp dịch vụ phổ cập.

4. Mỗi Bên phải bảo đảm rằng việc xử lý hồ sơ, bao gồm cả quyết định cuối cùng, sẽ được hoàn thành trong một khoảng thời gian hợp lý sau ngày nộp bộ hồ sơ đầy đủ. Mỗi Bên sẽ nỗ lực để thiết lập khoảng thời gian thông thường để xử lý một hồ sơ.
5. Cơ quan có thẩm quyền phải thông báo cho người nộp hồ sơ trong một thời gian hợp lý sau khi nhận được một hồ sơ không đầy đủ, và nếu có thể thì xác định các thông tin bổ sung cần thiết để hoàn thành hồ sơ, và tạo cơ hội để sửa chữa thiếu sót.
6. Bản sao chứng thực được chấp nhận, bất kỳ khi nào có thể, thay cho văn bản gốc.
7. Nếu một hồ sơ bị cơ quan có thẩm quyền từ chối, người nộp hồ sơ phải được thông báo bằng văn bản không chậm trễ. Về nguyên tắc, người nộp hồ sơ, khi có yêu cầu chính thức, phải được thông báo về lý do từ chối. Người nộp hồ sơ, trong thời hạn hợp lý, phải được phép nộp lại hồ sơ.
8. Mỗi Bên bảo đảm rằng giấy phép hoặc ủy quyền, một khi được cấp, sẽ có hiệu lực không chậm trễ theo các điều khoản và điều kiện quy định ở đây.

TIÊU MỤC 2 CÁC ĐIỀU KHOẢN ÁP DỤNG CHUNG

ĐIỀU 8.21 Công nhận lẫn nhau về bằng cấp chuyên môn

1. Không quy định nào trong Điều này ngăn cản một Bên yêu cầu thể nhân phải có bằng cấp và kinh nghiệm chuyên môn cần thiết quy định tại lãnh thổ nơi mà các dịch vụ được cung cấp, đối với lĩnh vực hoạt động có liên quan.
2. Các Bên sẽ khuyến khích các cơ quan chuyên môn liên quan hoặc các cơ quan tương ứng nếu có, trong lãnh thổ của mình để xây dựng và đưa ra một khuyến nghị chung về công nhận lẫn nhau về trình độ chuyên môn cho Ủy ban Đầu tư, Thương mại dịch vụ, Thương mại điện tử và Mua sắm của Chính phủ thành lập theo Điều 17.2 (Các Ủy ban chuyên trách). Khuyến nghị chung này cần được chứng minh bằng:
 - (a) giá trị kinh tế dự kiến của một thỏa thuận công nhận lẫn nhau về bằng cấp chuyên môn (sau đây gọi là "Hiệp định công nhận lẫn nhau"); và
 - (b) sự phù hợp của các hệ thống tương ứng, ví dụ như mức độ tương thích của các tiêu chuẩn áp dụng bởi mỗi Bên đối với việc ủy quyền, cấp phép, hoạt động và chứng nhận của các doanh nhân và các nhà cung cấp dịch vụ.

3. Khi nhận được một khuyến nghị chung, Ủy ban Đầu tư, Thương mại dịch vụ, Thương mại điện tử và Mua sắm của Chính phủ, trong khoảng thời gian hợp lý, phải rà soát khuyến nghị này nhằm xác định sự phù hợp với Hiệp định này.
4. Nếu khuyến nghị được đưa ra trên cơ sở các thông tin quy định tại khoản 2 phù hợp với Hiệp định này, các Bên sẽ thực hiện các bước cần thiết để đàm phán một Hiệp định công nhận lẫn nhau thông qua cơ quan có thẩm quyền hoặc được ủy quyền của một Bên.

TIÊU MỤC 3 CÁC DỊCH VỤ MÁY TÍNH

ĐIỀU 8.22

Diễn giải về các dịch vụ máy tính

1. Trong phạm vi tự do hóa thương mại dịch vụ máy tính theo Mục B (Tự do hóa đầu tư), Mục C (Cung cấp dịch vụ qua biên giới) và Mục D (Hiện diện tạm thời của thể nhân vì mục đích kinh doanh), các Bên phải tuân thủ các điều khoản từ 2 đến 4 sau đây.
2. Các Bên hiểu rằng CPC³¹ 84, là mã của Liên hiệp quốc được sử dụng để mô tả các dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan, bao gồm các chức năng cơ bản được sử dụng để cung cấp tất cả các dịch vụ máy tính và dịch vụ liên quan. Sự phát triển của công nghệ đã dẫn đến việc cung cấp ngày càng nhiều các dịch vụ này theo hình thức gói hoặc gộp các dịch vụ liên quan mà có thể bao gồm một số hoặc tất cả các chức năng cơ bản này. Ví dụ như các dịch vụ cho thuê lưu trữ trang tin điện tử hoặc tên miền, dịch vụ khai thác dữ liệu và điện toán lưới, mỗi loại dịch vụ là sự kết hợp của các chức năng dịch vụ máy tính cơ bản.
3. Các dịch vụ máy tính và dịch vụ liên quan, kể cả các dịch vụ được cung cấp qua mạng, bao gồm mạng Internet, gồm tất cả các dịch vụ cung cấp:
 - (a) tư vấn, chiến lược, phân tích, hoạch định, thông số, thiết kế, phát triển, cài đặt, triển khai, tích hợp, kiểm tra, sửa lỗi, cập nhật, hỗ trợ, trợ giúp kỹ thuật hoặc quản lý máy tính hoặc hệ thống mạng máy tính;
 - (b) tư vấn, chiến lược, phân tích, hoạch định, thông số, thiết kế, phát triển, cài đặt, triển khai, tích hợp, kiểm tra, sửa lỗi, cập nhật, điều chỉnh, duy trì, hỗ trợ, trợ giúp kỹ thuật, quản lý hoặc sử dụng các chương trình máy tính;
 - (c) xử lý dữ liệu, lưu trữ giữ liệu, cho thuê lưu trữ dữ liệu hoặc dịch vụ cơ sở dữ liệu

³¹ CPC là Hệ thống Phân loại Sản phẩm Trung tâm được quy định tại Tài liệu thống kê của Văn phòng thống kê Liên hiệp quốc, Nhóm M, Số 77, CPC prov, 1991..

- (d) dịch vụ bảo trì và sửa chữa máy móc và trang thiết bị văn phòng, bao gồm máy tính; hoặc
 - (e) dịch vụ đào tạo nhân viên cho khách hàng liên quan đến chương trình máy tính, máy tính hoặc hệ thống máy tính, và chưa được phân loại ở đâu.
4. Các Bên hiểu rằng, trong nhiều trường hợp, các dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan cho phép cung cấp các dịch vụ khác³² được thực hiện thông qua phương thức điện tử lẫn các phương thức khác. Trong trường hợp này, điều quan trọng là có sự phân biệt giữa các dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan, như dịch vụ cho thuê lưu trữ trang tin điện tử hoặc lưu trữ các ứng dụng, và các dịch vụ khác cung cấp thông qua các dịch vụ máy tính và dịch vụ liên quan. Những dịch vụ khác, bất kể là được cung cấp thông qua dịch vụ máy tính và dịch vụ liên quan, đều không nằm trong danh mục phân loại CPC 84.

TIÊU MỤC 4 DỊCH VỤ BƯU CHÍNH³³

ĐIỀU 8.23

Ngăn chặn các hành vi phi cạnh tranh trong lĩnh vực bưu chính

Mỗi Bên phải duy trì hoặc ban hành các biện pháp thích hợp nhằm mục đích ngăn cấm các nhà cung cấp dịch vụ mà có khả năng tác động đáng kể tới các điều kiện tham gia thị trường dịch vụ bưu chính liên quan phát sinh từ việc lợi dụng vị thế của mình một cách độc lập hoặc liên kết trên thị trường để tiến hành hoặc tiếp diễn các hành vi phi cạnh tranh.

ĐIỀU 8.24

Giấy phép

1. Trường hợp một Bên yêu cầu giấy phép đối với việc cung cấp dịch vụ bưu chính, các thông tin sau phải được công khai:
 - (a) tất cả các tiêu chí cấp phép và thời gian thông thường phải có để ra quyết định liên quan đến việc đề nghị cấp phép; và
 - (b) các điều kiện và điều khoản của giấy phép.
2. Các lý do từ chối cấp giấy phép phải được thông báo cho người nộp đơn nếu có yêu cầu và thủ tục khiếu nại thông qua một cơ quan quản lý liên quan phải được thành lập bởi mỗi Bên. Thủ tục khiếu nại này phải minh bạch, không phân biệt đối xử và trên cơ sở các tiêu chí khách quan.

³² Ví dụ W/120.1.A.b. (các dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán), W/120.1.A.d (các dịch vụ kiến trúc), W/120.1.A.h (các dịch vụ y tế và nha khoa), W/120.2.D (các dịch vụ nghe nhìn), W/120.5. (các dịch vụ giáo dục).

³³ Tiêu Mục này áp dụng đối với cả CPC 7511 và CPC 7512.

ĐIỀU 8.25

Cơ quan quản lý bưu chính

Cơ quan quản lý phải độc lập, và không chịu trách nhiệm, đối với bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ bưu chính nào. Các quyết định và thủ tục được sử dụng bởi cơ quan quản lý phải công bằng đối với tất cả các thực thể tham gia thị trường.

TIÊU MỤC 5

DỊCH VỤ VÀ MẠNG VIỄN THÔNG

ĐIỀU 8.26

Phạm vi

1. Tiêu Mục này đưa ra các nguyên tắc cho khuôn khổ pháp lý trong việc cung cấp các dịch vụ và mạng viễn thông công cộng được tự do hóa theo quy định tại Mục B (Tự do hóa đầu tư), Mục C (Cung cấp dịch vụ qua biên giới) và Mục D (Hiện diện tạm thời của thể nhân vì mục đích kinh doanh).
2. Tiêu Mục này không áp dụng cho bất kỳ biện pháp nào được thông qua hoặc duy trì bởi một Bên liên quan đến truyền quảng bá³⁴ hoặc phân phối các chương trình phát thanh hoặc truyền hình qua cáp.

ĐIỀU 8.27

Các định nghĩa

Vì mục đích của Tiêu Mục này:

- (a) "người dùng cuối" là người tiêu dùng dịch vụ cuối cùng hoặc nhà cung cấp dịch vụ cuối cùng sử dụng dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng, không phải để cung cấp tiếp các dịch vụ hay mạng viễn thông công cộng;
- (b) "trang thiết bị thiết yếu" là các trang thiết bị của một dịch vụ và mạng viễn thông công cộng mà:
 - (i) do một hoặc một số lượng hạn chế các nhà cung cấp trên cơ sở độc quyền hoặc chi phối; và
 - (ii) việc thay thế là không khả thi về mặt kinh tế hoặc kỹ thuật để cung cấp dịch vụ;
- (c) "kết nối" là việc liên kết với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng để nhằm cho phép người sử dụng của một nhà cung cấp này liên lạc được với người sử dụng của nhà cung cấp khác và truy cập vào các dịch vụ của nhà cung cấp khác;

³⁴ Khái niệm "truyền quảng bá" được quy định theo luật của mỗi Bên. Để chắc chắn hơn, "truyền quảng bá" không bao gồm các đường truyền gốc giữa các nhà khai thác.

- (d) “nhà cung cấp chủ đạo” là nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có khả năng ảnh hưởng đáng kể tới các điều kiện tham gia về giá và cung cấp tại thị trường liên quan đối với các dịch vụ viễn thông công cộng thông qua việc kiểm soát các trang thiết bị thiết yếu hoặc sử dụng vị thế của mình trên thị trường đó;
- (e) "khả năng chuyển mạng giữ số" là khả năng của người dùng cuối cùng của dịch vụ viễn thông công cộng có thể yêu cầu giữ nguyên, tại cùng một địa điểm, số điện thoại tương tự khi chuyển đổi giữa các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng tương tự;
- (f) "mạng viễn thông công cộng" là mạng viễn thông mà một Bên yêu cầu phải cung cấp các dịch vụ viễn thông công cộng giữa các điểm kết nối đầu cuối mạng xác định;
- (g) “dịch vụ viễn thông công cộng” là bất kỳ dịch vụ viễn thông nào mà một Bên yêu cầu, một cách rõ ràng hoặc bắt buộc, phải cung cấp tới công chúng nói chung;
- (h) "cơ quan quản lý" trong lĩnh vực viễn thông là cơ quan hoặc các cơ quan được một Bên giao cho chức năng quản lý về viễn thông;
- (i) “mạng viễn thông” là hệ thống truyền dẫn và, nếu phù hợp, thiết bị chuyển mạch hoặc thiết bị định tuyến và các nguồn lực khác, bao gồm cả các phần tử mạng thụ động, mà qua đó cho phép việc lưu chuyển các tín hiệu bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, quang học, hoặc các phương tiện điện từ khác;
- (j) "các dịch vụ viễn thông” là tất cả các dịch vụ bao gồm việc truyền dẫn và nhận tín hiệu điện từ nhưng không bao gồm các dịch vụ phát sóng và các hoạt động kinh tế bao gồm việc cung cấp nội dung mà cần đến lĩnh vực viễn thông để lưu chuyển các nội dung đó; và
- (k) “người sử dụng” là người tiêu dùng dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

ĐIỀU 8.28

Cơ quan quản lý

1. Cơ quan quản lý phải tách biệt khỏi, và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng nào.
2. Các quyết định và thủ tục được sử dụng bởi các cơ quan quản lý phải công bằng đối với tất cả thực thể tham gia thị trường. Với mục đích này, một Bên mà vẫn giữ quyền sở hữu hoặc kiểm soát các nhà cung cấp mạng hoặc dịch vụ viễn thông sẽ phải đảm bảo rằng các hoạt động quản lý, quyết định hoặc biện pháp được đưa ra bởi các cơ quan quản lý đối với các nhà cung cấp đó là không phân biệt đối xử và từ đó gây bất lợi thực sự cho bất cứ đối thủ cạnh tranh nào của nhà cung cấp đó.
3. Các cơ quan quản lý phải được trao quyền đầy đủ để quản lý lĩnh vực này, và có đủ nguồn lực tài chính và nhân sự để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4. Các nhiệm vụ được thực hiện bởi cơ quan quản lý phải được công khai bằng hình thức rõ ràng và dễ tiếp cận, đặc biệt với những nhiệm vụ được giao cho nhiều cơ quan.
5. Các quyền hạn của cơ quan quản lý phải được thực hiện một cách minh bạch và kịp thời.
6. Các cơ quan quản lý phải có đủ thẩm quyền để đảm bảo rằng các nhà cung cấp dịch vụ và dịch vụ viễn thông phải cung cấp ngay khi có yêu cầu tất cả các thông tin, bao gồm thông tin tài chính, cần thiết để các cơ quan quản lý thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định tại Tiểu Mục này. Các thông tin được yêu cầu sẽ không được vượt quá mức cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ của các cơ quan quản lý và được đối xử phù hợp với các yêu cầu về bảo mật.

ĐIỀU 8.29

Cấp phép cung cấp dịch vụ và mạng viễn thông

1. Mỗi Bên bảo đảm rằng các thủ tục cấp phép cần công bố công khai, bao gồm:
 - (a) tất cả các tiêu chí, điều khoản, điều kiện và thủ tục cấp phép áp dụng; và
 - (b) thời gian hợp lý thông thường để đi đến một quyết định liên quan đến đề nghị cấp phép.
2. Mỗi Bên phải bảo đảm rằng người nộp đơn nếu có yêu cầu, sẽ nhận được phản hồi bằng văn bản lý do của việc từ chối cấp phép.
3. Người đề nghị cấp phép có thể khiếu nại lên một cơ quan giải quyết tranh chấp phức tạp trong trường hợp đơn xin cấp phép bị từ chối.
4. Bất kỳ khoản phí cấp phép³⁵ nào mà người đề nghị cấp phép có thể phải trả cho các yêu cầu cấp phép của họ để có được giấy phép phải hợp lý và bản thân nó không được trở thành hạn chế trong việc cung cấp dịch vụ.

ĐIỀU 8.30

Nguồn tài nguyên quý hiếm

1. Mọi thủ tục xin phân bổ và sử dụng các nguồn tài nguyên quý hiếm, bao gồm tần số, kho số và các quyền đi cáp, phải được thực hiện một cách khách quan, kịp thời, minh bạch và không phân biệt đối xử.
2. Hiện trạng của các băng tần được phân bổ phải được công bố công khai trừ những thông tin chi tiết về phổ tần vô tuyến được phân bổ riêng cho chính phủ.
3. Các quyết định phân bổ và ấn định phổ tần và quản lý tần số không phải là những biện pháp mà bản chất của nó không phù hợp với Điều 8.4 (Tiếp cận thị trường), Điều 8.8 (Yêu cầu thực hiện) và Điều 8.10 (Tiếp cận thị

³⁵ Phí cấp phép không bao gồm các khoản chi cho đấu giá, đấu thầu hoặc các phương thức không phân biệt đối xử khác áp dụng cho việc chuyển nhượng, hoặc các khoản đóng góp bắt buộc để cung cấp dịch vụ phổ cập.

trường). Theo đó, mỗi Bên vẫn giữ quyền thực hiện các chính sách quản lý phổ tần và tần số của mình mà có thể ảnh hưởng đến số lượng các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng với điều kiện việc đó phải được thực hiện một cách nhất quán với Chương này. Các Bên cũng giữ quyền phân bổ băng tần theo hướng có tính đến các nhu cầu hiện tại và tương lai.

ĐIỀU 8.31

Truy cập và sử dụng dịch vụ và mạng viễn thông công cộng

1. Mỗi Bên phải bảo đảm rằng tất cả các nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia được truy cập và sử dụng bất kỳ dịch vụ và mạng viễn thông công cộng của nhà cung cấp dịch vụ chủ đạo nào³⁶, kể cả các kênh thuê riêng, được cung cấp trong phạm vi lãnh thổ hoặc qua biên giới của Bên đó với các điều kiện và điều khoản hợp lý, không phân biệt đối xử và minh bạch, bao gồm cả những quy định tại khoản 2 và 3.
2. Mỗi Bên bảo đảm rằng các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có yêu cầu truy cập vào mạng của một nhà cung cấp chủ đạo được phép:
 - (a) mua hoặc thuê, và kết nối các thiết bị đầu cuối hoặc thiết bị khác mà giao diện với mạng viễn thông công cộng;
 - (b) kết nối kênh thuê riêng hoặc kênh của mình với các dịch vụ và mạng viễn thông công cộng trong phạm vi lãnh thổ hoặc qua biên giới của Bên đó, hoặc kết nối với các kênh thuê riêng hoặc sở hữu bởi các nhà cung cấp dịch vụ khác; và
 - (c) sử dụng giao thức khai thác theo sự lựa chọn của họ, trừ khi cần thiết để đảm bảo tính sẵn sàng của các dịch vụ và mạng viễn thông công cộng phục vụ cho công chúng nói chung.
3. Mỗi Bên bảo đảm rằng tất cả nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia có thể sử dụng dịch vụ và mạng viễn thông công cộng để lưu chuyển thông tin trong lãnh thổ hoặc qua biên giới của mình, bao gồm thông tin liên lạc nội bộ của các nhà cung cấp đó, và để tiếp cận thông tin trong cơ sở dữ liệu hoặc dạng có thể giải mã bằng máy khác trong lãnh thổ của các Bên. Bất kỳ biện pháp mới hoặc được sửa đổi của một Bên mà ảnh hưởng đáng kể đến việc sử dụng này phải được thông báo cho Bên kia và tuân thủ thủ tục tham vấn.
4. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng các nhà cung cấp mà có được thông tin từ các nhà cung cấp khác trong quá trình đàm phán truy cập chỉ được sử dụng thông tin đó cho đúng mục đích mà nó được cung cấp và luôn tôn trọng tính bảo mật thông tin đó khi lưu chuyển hoặc lưu trữ.

³⁶ Vì các mục đích của Điều này, việc chỉ định một nhà cung cấp dịch vụ và mạng viễn thông công cộng là một nhà cung cấp chủ đạo phải phù hợp với luật pháp, quy định và thủ tục trong nước của mỗi Bên.

ĐIỀU 8.32

Kết nối

1. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng nào đều có quyền và, khi có yêu cầu từ nhà cung cấp khác, nghĩa vụ đàm phán kết nối với mục đích cung cấp dịch vụ và mạng viễn thông công cộng.
2. Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các nhà cung cấp mà có được thông tin từ một nhà cung cấp khác trong quá trình đàm phán các thỏa thuận kết nối chỉ được sử dụng thông tin đó cho mục đích mà nó được cung cấp và luôn tôn trọng tính bảo mật của thông tin đó khi lưu chuyển hoặc lưu trữ.
3. Đối với dịch vụ viễn thông công cộng, mỗi Bên phải bảo đảm sự kết nối với nhà cung cấp chủ đạo³⁷ tại bất kỳ điểm nào trên mạng có tính khả thi về mặt kỹ thuật. Kết nối này sẽ được cung cấp:
 - (a) trên cơ sở các điều khoản, điều kiện (bao gồm liên quan đến các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) và cước phí không phân biệt đối xử, và với chất lượng không kém hơn so với chất lượng cung cấp cho các dịch vụ của chính nhà cung cấp chủ đạo, hoặc cho dịch vụ tương tự của các nhà cung cấp không liên kết, hoặc cho các công ty con hoặc các bên liên kết khác;
 - (b) kịp thời, trên cơ sở các điều khoản, điều kiện (bao gồm liên quan đến các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) và cước phí theo giá thành một cách minh bạch, hợp lý, có tính đến tính khả thi về kinh tế, được bóc tách một cách đầy đủ để các nhà cung cấp không phải trả tiền cho những hợp phần hoặc các trang thiết bị không cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ; và
 - (c) theo yêu cầu, tại các điểm bổ sung thêm vào các điểm kết nối cuối mạng được cung cấp cho đa số người sử dụng, theo cước phí phản ánh chi phí xây dựng các trang thiết bị bổ sung cần thiết.
4. Các thủ tục áp dụng cho việc kết nối với một nhà cung cấp chủ đạo sẽ được công bố công khai.
5. Nhà cung cấp chủ đạo có trách nhiệm công bố công khai các thỏa thuận kết nối của mình hoặc các thỏa thuận kết nối mẫu nếu thích hợp.

ĐIỀU 8.33

Các biện pháp bảo hộ cạnh tranh về nhà cung cấp chủ đạo

Các Bên sẽ đưa ra hoặc duy trì các biện pháp thích hợp nhằm mục đích ngăn chặn các nhà cung cấp chủ đạo, một cách độc lập hoặc liên kết với nhau, tham gia hoặc duy trì các hành vi phản cạnh tranh. Những hành vi phản cạnh tranh trong phạm vi lãnh thổ của một Bên, cụ thể:

- (a) tham gia vào hành vi bù chéo phản cạnh tranh;

³⁷ Vì các mục đích của Điều này, việc chỉ định một nhà cung cấp dịch vụ và mạng viễn thông công cộng là một nhà cung cấp chủ đạo phải phù hợp với luật pháp, quy định và thủ tục trong nước của mỗi Bên.

- (b) sử dụng thông tin thu được từ các đối thủ cạnh tranh với mục đích phản cạnh tranh; và
- (c) không cung cấp kịp thời cho các nhà cung cấp dịch vụ khác các thông tin kỹ thuật cơ bản về các trang thiết bị thiết yếu và thông tin có liên quan về mặt thương mại cần thiết để cung cấp các dịch vụ.

ĐIỀU 8.34

Dịch vụ phổ cập

1. Mỗi Bên có quyền xác định các loại nghĩa vụ dịch vụ phổ cập mà mình muốn duy trì. Mỗi Bên phải có trách nhiệm quản lý bất kỳ nghĩa vụ dịch vụ phổ cập mà Bên đó duy trì một cách minh bạch, không phân biệt đối xử, và trung lập về cạnh tranh và phải đảm bảo rằng nghĩa vụ dịch vụ phổ cập không là gánh nặng hơn mức cần thiết đối với loại dịch vụ phổ cập được xác định đó.
2. Việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ phổ cập phải được thực hiện thông qua một cơ chế hiệu quả, minh bạch và không phân biệt đối xử.

ĐIỀU 8.35

Chuyển mạng giữ nguyên số

Mỗi Bên phải bảo đảm rằng các nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng trong phạm vi lãnh thổ của mình cung cấp khả năng chuyển mạng giữ nguyên số đối với các dịch vụ di động và bất kỳ dịch vụ nào khác theo quy định của Bên đó, trên cơ sở khả thi về mặt kinh tế và kỹ thuật, kịp thời và với các điều khoản và điều kiện hợp lý.

ĐIỀU 8.36

Bảo mật thông tin

Mỗi Bên phải bảo đảm tính bảo mật của dữ liệu lưu lượng viễn thông và dữ liệu lưu lượng liên quan qua các phương tiện của một mạng viễn thông công cộng và công khai các dịch vụ viễn thông có sẵn mà không hạn chế thương mại dịch vụ.

ĐIỀU 8.37

Giải quyết tranh chấp viễn thông

1. Trong trường hợp có tranh chấp phát sinh giữa các nhà cung cấp dịch vụ hay mạng viễn thông liên quan đến quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Tiểu Mục này, cơ quan quản lý có thẩm quyền, theo yêu cầu của một trong các Bên có liên quan, phải ban hành quyết định có tính bắt buộc để giải quyết

- tranh chấp trong khoảng thời gian ngắn nhất có thể và trong mọi trường hợp trong một khoảng thời gian hợp lý, trừ các trường hợp đặc biệt.
2. Khi một vụ tranh chấp theo như khoản 1 phát sinh liên quan đến việc cung cấp dịch vụ qua biên giới, các cơ quan quản lý có liên quan phải nỗ lực phối hợp để đưa ra giải pháp giải quyết tranh chấp.
 3. Quyết định của cơ quan quản lý sẽ được công bố công khai, có xem xét đến các yêu cầu bảo mật kinh doanh. Các bên liên quan sẽ nhận được một thông báo đầy đủ về những lý do đưa ra quyết định nêu trên và có quyền khiếu nại quyết định này phù hợp với khoản 5.
 4. Các thủ tục nêu tại các khoản 1, 2 và 3 của điều này không ngăn cản một trong các Bên có liên quan đưa vụ việc này ra trước các tòa án.
 5. Bất kỳ người dùng hoặc nhà cung cấp nào bị ảnh hưởng bởi quyết định của cơ quan quản lý đều có quyền kháng nghị quyết định đó lên một cơ quan giải quyết tranh chấp phúc thẩm độc lập đối với các Bên liên quan. Cơ quan này, có thể là một tòa án, phải có chuyên môn phù hợp để thực hiện các chức năng của mình một cách hiệu quả. Các lập luận của vụ việc này sẽ được xem xét đầy đủ và cơ chế kháng nghị phải có hiệu lực. Trường hợp cơ quan giải quyết tranh chấp phúc thẩm không có chức năng xét xử, cơ quan này phải luôn đưa ra các lý do quyết định của mình bằng văn bản và các quyết định đó phải được rà soát bởi một cơ quan tư pháp công bằng và độc lập. Quyết định của các cơ quan phúc thẩm phải có hiệu lực thi hành. Trong khi chờ kết quả kháng cáo, quyết định của cơ quan quản lý vẫn có hiệu lực thi hành, trừ khi các biện pháp tạm thời được ban hành theo luật pháp và quy định trong nước.

ĐIỀU 8.38

Chung điểm đặt thiết bị

1. Mỗi Bên phải bảo đảm rằng các nhà cung cấp chủ đạo trong phạm vi lãnh thổ của mình:
 - (a) cung cấp cho các nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng có cơ sở hạ tầng của Bên kia cùng vị trí thực đặt thiết bị cần thiết nhằm mục đích cho việc kết nối; và
 - (b) trong trường hợp điểm dùng chung cơ sở hạ tầng vật lý nêu tại điểm (a) không có tính thực tế vì lý do kỹ thuật hay vì những giới hạn về không gian, hợp tác với các nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng có cơ sở hạ tầng của Bên đó để tìm ra và thực hiện một giải pháp thay thế thực tiễn và khả thi về thương mại.
2. Mỗi Bên sẽ bảo đảm rằng các nhà cung cấp chủ đạo trong phạm vi lãnh thổ của mình sẽ cung cấp cho các nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng cùng vị trí đặt thiết bị thực hoặc giải pháp thay thế thực tế và khả thi về mặt thương mại như nêu tại khoản 1, một cách kịp thời và theo các điều khoản và điều kiện, bao gồm các tiêu chuẩn và thông số kỹ

- thuật, và cước phí một cách hợp lý có tính đến tính khả thi về mặt kinh tế, không phân biệt đối xử và minh bạch.
3. Mỗi Bên có thể xác định, phù hợp với luật pháp và quy định trong nước, các địa điểm mà tại đó yêu cầu các nhà cung cấp chủ đạo trong phạm vi lãnh thổ của mình phải cung cấp cùng vị trí thực đặt thiết bị hoặc giải pháp thay thế thực tiễn và khả thi về mặt thương mại nêu tại khoản 1.

ĐIỀU 8.39

Dịch vụ cho thuê kênh riêng

Mỗi Bên sẽ, trừ khi không khả thi về mặt kỹ thuật, đảm bảo rằng các nhà cung cấp chủ đạo trong phạm vi lãnh thổ của mình phải sẵn sàng các dịch vụ cho thuê kênh riêng thuộc các dịch vụ viễn thông công cộng cho các nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng của Bên kia một cách kịp thời và dựa trên cơ sở các điều khoản và điều kiện bao gồm các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật, và cước phí hợp lý, có tính đến sự khả thi về mặt kinh tế, không phân biệt đối xử và minh bạch.

ĐIỀU 8.40

Bóc tách các phần tử mạng

Mỗi Bên sẽ bảo đảm rằng cơ quan quản lý viễn thông có thẩm quyền yêu cầu nhà cung cấp chủ đạo đáp ứng các yêu cầu hợp lý của các nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng đối với việc truy cập và sử dụng các phần tử mạng cụ thể trên cơ sở được bóc tách, một cách kịp thời và dựa trên các điều khoản và điều kiện hợp lý, minh bạch và không phân biệt đối xử. Mỗi Bên sẽ xác định các thành phần mạng cụ thể được yêu cầu cung cấp trên lãnh thổ của mình phù hợp với luật pháp và quy định trong nước.

TIỂU MỤC 6

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

ĐIỀU 8.41

Phạm vi và định nghĩa

1. Tiểu Mục này xác định các nguyên tắc về khuôn khổ quản lý cho tất cả các dịch vụ tài chính đã được tự do hóa theo Mục B (Tự do hóa đầu tư), Mục C (Cung cấp dịch vụ qua biên giới) và Mục D (Hiện diện tạm thời của thể nhân vì mục đích kinh doanh).
2. Vì mục đích của Tiểu Mục này:

- (a) “dịch vụ tài chính” nghĩa là bất kỳ dịch vụ nào có bản chất tài chính do một nhà cung cấp dịch vụ tài chính của một Bên thực hiện; các dịch vụ tài chính bao gồm các hoạt động sau đây:
- (i) bảo hiểm và các dịch vụ liên quan đến bảo hiểm:
- (A) bảo hiểm trực tiếp (bao gồm đồng bảo hiểm):
 - (1) nhân thọ; và
 - (2) phi nhân thọ;
 - (B) tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm;
 - (C) trung gian bảo hiểm, ví dụ như môi giới và đại lý; và
 - (D) các dịch vụ phụ trợ cho bảo hiểm, ví dụ như các dịch vụ tư vấn, định phí, đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường;
- (ii) ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (trừ bảo hiểm):
- (A) nhận tiền gửi và các khoản phải hoàn trả khác từ công chúng;
 - (B) tất cả các loại hình cho vay, bao gồm tín dụng tiêu dùng, tín dụng thế chấp, bao thanh toán và tài trợ các giao dịch thương mại;
 - (C) cho thuê tài chính;
 - (D) tất cả các dịch vụ thanh toán và chuyển tiền, bao gồm các loại thẻ tín dụng, thanh toán và ghi nợ, séc du lịch và hối phiếu ngân hàng;
 - (E) bảo lãnh và cam kết;
 - (F) kinh doanh những loại hình được liệt kê dưới đây, trên tài khoản của mình hoặc của khách hàng, dù tại sở giao dịch hay trên thị trường phi tập trung, hoặc bằng cách khác:
 - (1) các công cụ thị trường tiền tệ (bao gồm séc, hối phiếu, chứng chỉ tiền gửi);
 - (2) ngoại hối;
 - (3) các sản phẩm phái sinh bao gồm, nhưng không giới hạn, hợp đồng tương lai và hợp đồng quyền chọn;
 - (4) các công cụ tỷ giá hối đoái và lãi suất, bao gồm các sản phẩm như hợp đồng hoán đổi, hợp đồng kỳ hạn;
 - (5) chứng khoán có thể chuyển nhượng; và
 - (6) các công cụ có thể chuyển nhượng và các tài sản tài chính khác, bao gồm vàng khối;
 - (G) tham gia phát hành tất cả các loại chứng khoán, bao gồm bảo lãnh phát hành và chào bán với vai trò là đại lý (bao gồm cả

chào bán công khai hoặc chào bán riêng lẻ) và cung cấp các dịch vụ liên quan đến các đợt phát hành đó;

- (H) môi giới tiền tệ;
 - (I) quản lý tài sản, ví dụ như quản lý tiền mặt hoặc danh mục đầu tư, tất cả các hình thức quản lý đầu tư tập thể, quản lý quỹ hưu trí, các dịch vụ giám hộ, lưu ký, và ủy thác;
 - (J) các dịch vụ thanh toán và bù trừ đối với các tài sản tài chính, bao gồm chứng khoán, các sản phẩm phái sinh, và các công cụ có thể chuyên nhượng khác;
 - (K) cung cấp và chuyển thông tin tài chính, và xử lý dữ liệu tài chính và phần mềm liên quan bởi các nhà cung cấp dịch vụ tài chính khác; và
 - (L) các dịch vụ về tư vấn, trung gian, và các dịch vụ tài chính phụ trợ khác đối với tất cả các hoạt động được liệt kê trong các điểm từ (A) đến (K), bao gồm tham khảo và phân tích tín dụng, nghiên cứu và tư vấn đầu tư và danh mục đầu tư, tư vấn về các hoạt động mua lại và tái cơ cấu và chiến lược doanh nghiệp;
- (b) “nhà cung cấp dịch vụ tài chính” có nghĩa là bất kỳ thể nhân hoặc pháp nhân nào của một Bên, trừ tổ chức công, đang tìm cách cung cấp hoặc đang cung cấp các dịch vụ tài chính;
- (c) “dịch vụ tài chính mới” nghĩa là một dịch vụ có bản chất tài chính bao gồm các dịch vụ liên quan đến các sản phẩm mới và hiện có hoặc phương thức mà một sản phẩm được cung cấp, mà chưa được cung cấp bởi bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ tài chính nào trên lãnh thổ của một Bên, nhưng đang được cung cấp trên lãnh thổ của Bên kia;
- (d) “tổ chức công” có nghĩa là:
- (i) một Chính phủ, ngân hàng trung ương hoặc cơ quan quản lý tiền tệ của một Bên, hoặc một tổ chức thuộc sở hữu hoặc kiểm soát bởi một Bên, mà chủ yếu tham gia việc thực thi các chức năng của chính phủ hoặc các hoạt động vì mục đích của chính phủ, không bao gồm một tổ chức chủ yếu tham gia việc cung cấp dịch vụ tài chính vì mục đích thương mại; hoặc
 - (ii) một thực thể tư nhân khi thực hiện các chức năng thông thường của một ngân hàng trung ương hoặc cơ quan quản lý tiền tệ;
- và
- (e) “tổ chức được ủy quyền quản lý” là bất kỳ cơ quan phi chính phủ nào, bất kỳ sở giao dịch hoặc thị trường chứng khoán hoặc thị trường hợp đồng tương lai, cơ quan bù trừ, hoặc tổ chức hay hiệp hội khác, thực hiện thẩm quyền quản lý hoặc giám sát đối với các nhà cung

cấp dịch vụ tài chính theo luật hoặc được phân cấp quản lý từ chính quyền hoặc cơ quản lý trung ương, vùng hoặc địa phương, nếu có.

ĐIỀU 8.42

Ngoại lệ thận trọng

1. Không quy định nào trong Hiệp định này ngăn cản một Bên áp dụng hoặc duy trì các biện pháp vì lý do an toàn thận trọng, như là:
 - (a) bảo vệ các nhà đầu tư, người gửi tiền, người nắm giữ hợp đồng bảo hiểm hoặc những người mà một nhà cung cấp dịch vụ tài chính nhận uỷ thác phải có trách nhiệm; hoặc
 - (b) đảm bảo tính toàn vẹn và ổn định của hệ thống tài chính của Bên đó.
2. Những biện pháp được nêu tại khoản 1 sẽ không tạo gánh nặng hơn mức cần thiết để đạt được mục tiêu của các biện pháp đó.
3. Không quy định nào của Hiệp định này sẽ được hiểu là yêu cầu một Bên tiết lộ các thông tin liên quan đến công việc và tài khoản của khách hàng cá nhân hoặc bất kỳ thông tin bí mật hoặc thông tin độc quyền thuộc sở hữu của tổ chức công.
4. Mỗi Bên sẽ nỗ lực để đảm bảo rằng các tiêu chuẩn đã được quốc tế thống nhất chung về quản lý và giám sát trong lĩnh vực dịch vụ tài chính và vì mục đích chống trốn và tránh thuế sẽ được thực hiện và áp dụng trong lãnh thổ của mình. Các tiêu chuẩn đã được quốc tế thống nhất chung bao gồm, *ngoài những tiêu chuẩn khác, Nguyên tắc cốt lõi giám sát ngân hàng hiệu quả của Ủy ban Basel, Nguyên tắc cốt lõi trong bảo hiểm của Hiệp hội quốc tế về Giám sát bảo hiểm, Mục tiêu và nguyên tắc quản lý chứng khoán của Tổ chức quốc tế các Ủy ban chứng khoán, Hiệp định trao đổi thông tin liên quan đến các vấn đề thuế của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), Tuyên bố về minh bạch và trao đổi thông tin vì mục đích thuế của G20 và Bốn mươi khuyến nghị về hoạt động rửa tiền và Chín khuyến nghị đặc biệt về tài trợ khủng bố của Lực lượng đặc nhiệm hành động tài chính.*
5. Các Bên ghi nhận *Mười nguyên tắc chính về trao đổi thông tin* của Bộ trưởng Tài chính các Quốc gia G7 ban hành.
6. Không ảnh hưởng đến các biện pháp về quản lý an toàn thận trọng khác đối với việc cung cấp dịch vụ tài chính xuyên biên giới, một Bên có thể đưa ra yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép đối với nhà cung cấp dịch vụ tài chính xuyên biên giới của Bên kia và đối với các công cụ tài chính.

ĐIỀU 8.43

Quy định về minh bạch hóa

Mỗi Bên sẽ thông báo cho những người quan tâm về các yêu cầu của mình để hoàn thành hồ sơ xin cấp phép liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ tài chính.

Theo yêu cầu của người nộp hồ sơ, Bên liên quan phải thông báo cho người nộp hồ sơ về tình trạng hồ sơ của họ. Nếu Bên liên quan yêu cầu thêm thông tin từ người nộp hồ sơ, Bên đó sẽ phải thông báo ngay cho người nộp hồ sơ.

ĐIỀU 8.44

Dịch vụ tài chính mới

Mỗi Bên phải cho phép nhà cung cấp dịch vụ tài chính của Bên kia cung cấp bất kỳ dịch vụ tài chính mới nào mà Bên đó cho phép các nhà cung cấp dịch vụ tài chính của mình cung cấp, phù hợp với luật pháp và quy định trong nước trong những trường hợp tương tự, với điều kiện việc cung cấp dịch vụ tài chính mới đó không đặt ra yêu cầu phải thông qua một đạo luật mới hoặc sửa đổi một đạo luật hiện hành. Một Bên có thể xác định hình thức thể chế và pháp lý mà qua đó dịch vụ tài chính mới có thể được cung cấp và có thể yêu cầu cấp phép đối với việc cung cấp dịch vụ. Trong trường hợp cấp phép là cần thiết, quyết định sẽ được đưa ra trong một khoảng thời gian hợp lý và việc cấp phép chỉ có thể bị từ chối vì các lý do an toàn thận trọng.

ĐIỀU 8.45

Xử lý dữ liệu

1. Mỗi Bên phải áp dụng hoặc duy trì các biện pháp an toàn thích hợp để bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư, bao gồm cả hồ sơ và tài khoản cá nhân.
2. Chậm nhất là hai năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, mỗi Bên sẽ cho phép các nhà cung cấp dịch vụ tài chính³⁸ của Bên kia chuyển thông tin dưới dạng điện tử hoặc dạng khác, vào và ra khỏi lãnh thổ của mình, để xử lý dữ liệu khi việc xử lý này là cần thiết để phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường của nhà cung cấp dịch vụ tài chính đó.
3. Không quy định nào trong Điều khoản này hạn chế quyền của một Bên bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư, miễn là quyền đó không được sử dụng để lẩn tránh nghĩa vụ của Hiệp định này.

³⁸ Để rõ ràng hơn, các luật pháp và quy định hiện hành của Việt Nam tại thời điểm ký kết Hiệp định này không cho phép thể nhân chuyển dữ liệu.

ĐIỀU 8.46
Ngoại lệ cụ thể

1. Không có quy định nào trong Chương này được hiểu là ngăn cản một Bên, bao gồm các tổ chức công của Bên đó, trong việc độc quyền thực hiện hoặc cung cấp trong lãnh thổ của mình các hoạt động hoặc các dịch vụ tạo thành một phần của một kế hoạch hữu trí công hoặc hệ thống an sinh xã hội theo luật định, trừ khi các hoạt động này có thể được thực hiện, theo luật pháp và quy định trong nước của Bên đó, bởi các nhà cung cấp dịch vụ tài chính đang cạnh tranh với các tổ chức công hoặc tổ chức tư nhân.
2. Ngoại trừ quy định tại khoản 3 Mục B (Tự do hóa đầu tư), không quy định nào trong Hiệp định này áp dụng đối với các hoạt động được thực hiện bởi một ngân hàng trung ương hoặc cơ quan quản lý tiền tệ hoặc bất kỳ tổ chức công nào khác khi thực thi chính sách tiền tệ hoặc chính sách tỷ giá hối đoái.
3. Không quy định nào trong Mục B (Tự do hóa đầu tư) áp dụng đối với các biện pháp không phân biệt đối xử áp dụng chung bởi các tổ chức công nhằm thực thi chính sách tiền tệ hoặc chính sách tỷ giá hối đoái.
4. Không quy định nào của Chương này được hiểu là ngăn cản một Bên, bao gồm các tổ chức công của Bên đó, độc quyền thực hiện hoặc cung cấp trên lãnh thổ của mình các hoạt động hoặc dịch vụ thay mặt cho, hoặc được bảo lãnh bởi hoặc sử dụng nguồn tài chính của Bên đó hoặc của các tổ chức công của Bên đó, trừ khi các hoạt động này có thể được thực hiện, theo luật pháp và quy định trong nước của Bên đó, bởi các nhà cung cấp dịch vụ tài chính đang cạnh tranh với các tổ chức công hoặc tổ chức tư nhân.
5. Để rõ ràng hơn, các Bên hiểu rằng khoản 1 và 4 không được hiểu là cho phép các Bên áp dụng, mà không bảo vệ quyền của nhà đầu tư hoặc khoản đầu tư bị ảnh hưởng, các biện pháp được đề cập đến trong những khoản đó khi mà các hoạt động hoặc dịch vụ được đề cập đã được tự do hóa hoặc có thể được tiến hành theo luật pháp và quy định trong nước của Bên đó, bởi các nhà cung cấp dịch vụ tài chính đang cạnh tranh với các tổ chức công hoặc tổ chức tư nhân.

ĐIỀU 8.47
Các tổ chức được ủy quyền quản lý

Khi một Bên yêu cầu tư cách thành viên hoặc tham gia hoặc tiếp cận bất kỳ tổ chức được ủy quyền quản lý nào để nhà cung cấp dịch vụ tài chính của Bên kia cung cấp dịch vụ tài chính vào hoặc trong lãnh thổ của Bên yêu cầu, Bên đó sẽ phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ theo Điều 8.5 (Đối xử quốc gia), 8.6 (Đối xử tối huệ quốc) và 8.11 (Đối xử quốc gia).

ĐIỀU 8.48

Hệ thống thanh toán bù trừ

Theo các điều khoản và điều kiện về đối xử quốc gia theo quy định tại Điều 8.5 (Đối xử quốc gia) và 8.11 (Đối xử quốc gia), mỗi Bên phải cho phép các nhà cung cấp dịch vụ tài chính của Bên kia thành lập trên lãnh thổ của mình tiếp cận với các hệ thống thanh toán và bù trừ do các tổ chức công vận hành, và tiếp cận với các phương thức tài trợ và tái cấp vốn chính thức có sẵn trong quá trình kinh doanh thông thường. Điều khoản này không nhằm cho phép tiếp cận công cụ người cho vay cuối cùng của Bên đó.

TIÊU MỤC 7

DỊCH VỤ VẬN TẢI BIÊN QUỐC TẾ

ĐIỀU 8.49

Phạm vi, định nghĩa và nguyên tắc

1. Tiêu Mục này đặt ra các nguyên tắc về tự do hóa dịch vụ vận tải biển quốc tế phù hợp với Mục B (Tự do hóa đầu tư), Mục C (Cung cấp dịch vụ qua biên giới) và Mục D (Hiện diện tạm thời của thể nhân vì mục đích kinh doanh).
2. Vì mục đích của Tiêu Mục này:
 - (a) “dịch vụ kho bãi công-te-nơ” là các hoạt động bao gồm việc lưu trữ công-te-nơ, tại cảng hoặc trong nội địa, nhằm đóng hoặc dỡ hàng, sửa chữa và chuẩn bị sẵn sàng cho vận chuyển;
 - (b) “dịch vụ thông quan” hoặc “dịch vụ môi giới hải quan” là các hoạt động thay mặt cho chủ hàng để thực hiện các thủ tục hải quan liên quan đến nhập khẩu, xuất khẩu hoặc thông qua vận chuyển hàng hóa, cho dù dịch vụ này là hoạt động chính của các nhà cung cấp dịch vụ hay chỉ là một phần bổ sung thông thường cho các hoạt động chính của nhà cung cấp dịch vụ đó;
 - (c) “dịch vụ gom hàng bằng tàu” là việc vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường biển ở chặng trước và chặng sau, chủ yếu là hàng đóng trong công-te-nơ giữa các cảng của một Bên, để đi đến cảng đích là một nơi bên ngoài lãnh thổ của Bên đó;
 - (d) “dịch vụ giao nhận” là hoạt động tổ chức và điều hành các hoạt động chuyên chở hàng hóa thay mặt người gửi hàng thông qua việc tìm kiếm dịch vụ vận tải và các dịch vụ liên quan, chuẩn bị chứng từ và cung cấp thông tin kinh doanh;
 - (e) “hàng hóa quốc tế” là hàng hóa được vận chuyển giữa một cảng của Bên này và một cảng của Bên kia hoặc của một nước thứ ba, hoặc giữa một cảng của một quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu và một cảng của quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu khác.

- (f) “dịch vụ vận tải biển quốc tế” là hoạt động vận tải hành khách hoặc hàng hóa bằng các tàu biển giữa một cảng của Bên này và một cảng của Bên kia hoặc một nước thứ ba bao gồm việc ký kết hợp đồng trực tiếp với các nhà cung cấp dịch vụ vận tải khác nhằm kết hợp các hoạt động vận tải đa phương thức theo một chứng từ vận tải duy nhất, nhưng không phải là quyền cung cấp các dịch vụ vận tải khác đó;
- (g) “dịch vụ hỗ trợ vận tải biển” là dịch vụ bốc dỡ hàng hóa đường biển, dịch vụ thông quan, dịch vụ kho bãi công-te-nơ, dịch vụ đại lý hàng hải và dịch vụ giao nhận vận tải đường biển;
- (h) “dịch vụ bốc dỡ hàng hóa đường biển” là các hoạt động thực hiện bởi các công ty bốc xếp, bao gồm cả các nhà khai thác cảng, nhưng không bao gồm các hoạt động trực tiếp của các công nhân bốc xếp, khi lực lượng lao động này được tổ chức độc lập của các công ty xếp dỡ hàng hóa hoặc khai thác cảng; các hoạt động này bao gồm việc tổ chức và giám sát:
 - (i) bốc/dỡ hàng hóa lên/từ một con tàu;
 - (ii) chằng buộc/tháo dỡ hàng hóa; và
 - (iii) tiếp nhận/trả hàng và bảo quản hàng hoá trước khi giao hàng hoặc sau khi dỡ hàng;

và

- (i) “hoạt động vận tải đa phương thức” là việc vận chuyển hàng hóa sử dụng nhiều hơn một phương thức vận tải, trong đó có một chặng vận tải biển quốc tế, theo một chứng từ vận tải duy nhất.
3. Theo quan điểm về mức độ tự do hoá giữa các Bên trong vận tải hàng hải quốc tế những nguyên tắc sau đây được áp dụng:
- (a) các Bên phải áp dụng có hiệu quả các nguyên tắc tiếp cận không hạn chế vào các thị trường và giao dịch hàng hải quốc tế trên cơ sở thương mại và không phân biệt đối xử;
 - (b) mỗi Bên phải dành cho tàu treo cờ của Bên kia hoặc hoạt động bởi các nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho tàu của mình, liên quan tới, không kể những điều khác, việc ra vào các cảng, việc sử dụng kết cấu hạ tầng và sử dụng các dịch vụ hàng hải phụ trợ, cũng như các khoản phí và lệ phí liên quan, các cơ sở hải quan và vào các bến để xếp và dỡ hàng;
 - (c) mỗi Bên phải cho phép các nhà cung cấp dịch vụ hàng hải quốc tế của Bên kia có một doanh nghiệp trong lãnh thổ của mình được thành lập và hoạt động theo các điều kiện ghi trong Biểu cam kết cụ thể tương ứng của mỗi Bên tại Phụ lục 8-A (Biểu cam kết cụ thể của Liên minh Châu Âu) hoặc 8-B (Biểu cam kết cụ thể của Việt Nam);
 - (d) các Bên sẽ thông báo cho các nhà cung cấp vận tải biển quốc tế của Bên kia trên cơ sở các điều khoản và điều kiện hợp lý và không phân biệt đối xử đối với các dịch vụ sau đây tại cảng: hoa tiêu, hỗ trợ lai dắt, cung cấp lương thực, thực phẩm, nhiên liệu và nước ngọt, thu

gom rác thải và xử lý nước thải dẫn tàu, dịch vụ của cảng vụ, trợ giúp hàng hải, trang thiết bị sửa chữa khẩn cấp, vùng neo đậu, bến và dịch vụ cầu bến cũng như các dịch vụ vận hành trên bờ cần thiết để vận hành tàu, bao gồm thông tin liên lạc, cung cấp nước và điện;

- (e) Liên minh Châu Âu, tùy thuộc vào sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền của mình, phải cho phép các nhà cung cấp dịch vụ vận tải biển quốc tế của Việt Nam để tái phân phối công-te-nơ rỗng của hãng tàu đó sở hữu hoặc đi thuê, với điều kiện những công-te-nơ đó không được vận chuyển có tính phí dưới dạng hàng hóa và sẽ được sử dụng để xử lý hàng hóa của hãng tàu đó giữa các cảng của một quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu;
- (f) Việt Nam, tùy thuộc vào sự cho phép của các cơ quan có thẩm quyền của mình³⁹, phải cho phép các nhà cung cấp dịch vụ vận tải biển quốc tế của Liên minh Châu Âu hoặc quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu để tái phân phối công-te-nơ rỗng do hãng tàu đó sở hữu hoặc đi thuê, với điều kiện những công-te-nơ đó không được vận chuyển có tính phí dưới dạng hàng hóa và sẽ được sử dụng để xử lý hàng hóa của hãng tàu đó giữa các cảng của một quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu hoặc quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu tái phân phối công-te-nơ rỗng do hãng tàu đó sở hữu hoặc đi thuê giữa các cảng biển của Việt Nam với điều kiện những công-te-nơ đó không được vận chuyển có tính phí dưới dạng hàng hóa và sẽ được sử dụng để xử lý hàng hóa của hãng tàu đó giữa các cảng trong nước với điều kiện là các tàu gom hàng (gọi là các tàu mẹ) ghé cảng biển Việt Nam;
- (g) Liên minh Châu Âu, tùy thuộc vào sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền của mình, phải cho phép các nhà cung cấp dịch vụ vận tải biển quốc tế của Việt Nam cung cấp dịch vụ gom hàng bằng tàu giữa các cảng quốc gia của Liên minh Châu Âu;
- (h) Việt Nam, tùy thuộc vào sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền của mình⁴⁰, phải cho phép các nhà cung cấp dịch vụ vận tải biển quốc tế của Liên minh Châu Âu hoặc các quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu cung cấp dịch vụ gom hàng bằng tàu cho tàu mẹ giữa cảng Quy Nhơn và cảng Cái Mép – Thị Vải với điều kiện các tàu

³⁹ Để rõ ràng hơn, sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền là một thủ tục hành chính được đặt ra nhằm đảm bảo tuân thủ tất cả các yêu cầu liên quan. Việc cấp phép sẽ được thực hiện ngay khi các yêu cầu đặt ra được đáp ứng với sự kiểm tra phù hợp. Việc cấp phép sẽ không được sử dụng như một hạn chế trả hình đối với việc cung cấp dịch vụ.

⁴⁰ Để rõ ràng hơn, sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền là một thủ tục hành chính được đặt ra nhằm đảm bảo tuân thủ tất cả các yêu cầu liên quan. Việc cấp phép sẽ được thực hiện ngay khi các yêu cầu đặt ra được đáp ứng với sự kiểm tra phù hợp. Việc cấp phép sẽ không được sử dụng như một hạn chế trả hình đối với việc cung cấp dịch vụ.

gom hàng (gọi là các tàu mẹ) ghé vào cảng biển khu vực Cái Mép - Thị Vải.

4. Khi áp dụng những nguyên tắc được nêu tại các điểm 3(a) và 3(b), các Bên có trách nhiệm:
 - (a) không đưa các thỏa thuận chia sẻ hàng hóa vào các Hiệp định tương lai với các nước thứ ba liên quan đến dịch vụ vận tải hàng hải, bao gồm hàng rời dưới dạng khô và ướt, vận tải chuyên tuyến, và chấm dứt, trong một thời gian hợp lý, các thỏa thuận chia sẻ hàng hóa đó trong trường hợp chúng đã tồn tại trong các hiệp định trước đó;
 - (b) sau khi Hiệp định này có hiệu lực, tránh ban hành hay áp dụng các biện pháp đơn phương, hoặc các rào cản hành chính, kỹ thuật và các rào cản khác có thể tạo thành một hạn chế trách hình hoặc có ảnh hưởng phân biệt đối xử đối với việc cung cấp tự do các dịch vụ vận tải biển quốc tế.

MỤC F THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

ĐIỀU 8.50

Mục tiêu và các nguyên tắc

Các Bên ghi nhận rằng thương mại điện tử làm gia tăng cơ hội thương mại trong nhiều lĩnh vực, sẽ thúc đẩy phát triển thương mại điện tử giữa các Bên, cụ thể là thông qua việc hợp tác đối với các nội dung về thương mại điện tử theo các quy định của Chương này.

ĐIỀU 8.51

Thuế hải quan

Không Bên nào được áp dụng các loại thuế hải quan đối với các giao dịch điện tử.

ĐIỀU 8.52

Hợp tác về chính sách pháp luật về thương mại điện tử

1. Các Bên sẽ duy trì đối thoại về các vấn đề chính sách pháp luật được đặt ra trong thương mại điện tử để giải quyết, chưa kể các vấn đề khác, các vấn đề sau:
 - (a) công nhận các chứng thực chữ ký điện tử được scáp cho công chúng và tạo thuận lợi cho các dịch vụ chứng thực qua biên giới;
 - (b) trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ trung gian trong việc truyền dẫn hay lưu trữ thông tin;

- (c) ứng xử với các hình thức liên lạc trong thương mại điện tử tự nguyện;
 - (d) bảo vệ người tiêu dùng khi tham gia giao dịch điện tử; và
 - (e) bất cứ vấn đề nào liên quan đến phát triển thương mại điện tử.
2. Đối thoại này có thể thực hiện thông qua hình thức trao đổi thông tin về quy định và pháp luật trong nước mỗi Bên về các vấn đề nêu tại khoản 1 cũng như việc thực thi quy định pháp luật đó.

MỤC G CÁC NGOẠI LỆ

ĐIỀU 8.53 Các ngoại lệ chung

Với điều kiện các biện pháp này không được áp dụng theo cách tạo thành một phương tiện phân biệt đối xử tùy tiện hoặc vô lý giữa các quốc gia có điều kiện tương tự, hoặc trở thành hạn chế trá hình đối với việc thành lập hoặc hoạt động của một doanh nghiệp hoặc cung cấp dịch vụ qua biên giới, không quy định nào của Chương này được hiểu là ngăn cản một Bên thông qua hoặc thực thi bất kỳ biện pháp nào mà:

- (a) cần thiết để bảo vệ an ninh công cộng hoặc đạo đức xã hội hoặc để duy trì trật tự công cộng;
- (b) cần thiết để bảo vệ cuộc sống hoặc sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật;
- (c) liên quan đến việc bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt nếu các biện pháp đó được áp dụng cùng với những hạn chế đối với các nhà đầu tư trong nước hoặc các nguồn cung ứng và tiêu dùng trong nước;
- (d) cần thiết để bảo vệ bảo vật quốc gia có giá trị nghệ thuật, lịch sử hoặc khảo cổ học;
- (e) cần thiết để đảm bảo sự tuân thủ luật pháp hoặc các quy định không trái với các quy định của Chương này bao gồm các quy định liên quan đến:
 - (i) công tác phòng chống hành vi lừa đảo và gian lận hoặc để đối phó với những ảnh hưởng của việc vi phạm hợp đồng;
 - (ii) bảo vệ sự riêng tư của cá nhân liên quan đến việc xử lý và phổ biến các dữ liệu cá nhân và bảo vệ bí mật các hồ sơ và tài khoản cá nhân; hoặc
 - (iii) an toàn;hoặc
- (f) không phù hợp với khoản 1 hoặc 2 Điều 8.5 (Đối xử quốc gia), hoặc khoản 1 Điều 8.11 (Đối xử quốc gia) với điều kiện là sự đối xử khác biệt

nhằm mục đích đảm bảo việc thu hoặc áp thuế trực tiếp một cách hiệu quả và công bằng đối với các hoạt động kinh tế, các nhà đầu tư hoặc nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia²⁴.

MỤC H ĐIỀU KHOẢN TỔ CHỨC

ĐIỀU 8.54

Ủy ban Đầu tư, Thương mại dịch vụ, Thương mại điện tử và Mua sắm của Chính phủ

1. Ủy ban Đầu tư, Thương mại dịch vụ, Thương mại điện tử và Mua sắm của Chính phủ thành lập theo Điều 17.2 (Các Ủy ban chuyên trách) sẽ bao gồm đại diện của các Bên.
2. Ủy ban Đầu tư, Thương mại dịch vụ, Thương mại điện tử và Mua sắm của Chính phủ sẽ chịu trách nhiệm thực thi Chương này. Theo đó, Ủy ban sẽ theo dõi và rà soát thường xuyên việc thực thi của các Bên và xem xét các vấn đề liên quan đến Chương này được một Bên tham chiếu.

²⁴ Các biện pháp nhằm đảm bảo việc thu hoặc áp thuế trực tiếp một cách hiệu quả và công bằng bao gồm các biện pháp được một Bên áp dụng theo hệ thống thuế của Bên đó:

- (i) áp dụng đối với nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ không cư trú với việc công nhận thực tế là các nghĩa vụ thuế của người không cư trú được xác định đối với các mặt hàng chịu thuế được tạo ra hay nằm trong lãnh thổ của một Bên;
- (ii) áp dụng đối với người không cư trú để đảm bảo việc áp thuế hoặc thu thuế trong lãnh thổ của một Bên;
- (iii) áp dụng đối với người không cư trú hoặc công dân để ngăn ngừa việc trốn hoặc tránh thuế, bao gồm cả các biện pháp phù hợp;
- (iv) áp dụng đối với người tiêu dùng dịch vụ được cung cấp trong hoặc từ lãnh thổ của một Bên khác để đảm bảo việc áp thuế hoặc thu thuế đối với người tiêu dùng này xuất phát từ các nguồn trong lãnh thổ của Bên đó;
- (v) phân biệt giữa các nhà đầu tư và các nhà cung cấp dịch vụ chịu thuế đối với các mặt hàng chịu thuế trên toàn thế giới với các nhà đầu tư và các nhà cung cấp dịch vụ khác, với việc công nhận về sự khác biệt bản chất của cơ sở tính thuế giữa họ; hoặc
- (vi) xác định, phân bổ hoặc phân chia thu nhập, lợi nhuận, khấu trừ hoặc tín dụng của người hoặc các chi nhánh thường trú, hoặc giữa những người hoặc các chi nhánh của cùng một thực thể có liên quan, để bảo vệ cơ sở tính thuế của một Bên.

Các định nghĩa và khái niệm thuế trong điểm (f) và trong chú thích này được xác định theo các định nghĩa và khái niệm về thuế, định nghĩa và khái niệm tương đương hoặc tương tự, theo luật pháp và quy định của Bên áp dụng biện pháp.